BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 05 năm 2023

Biến cơ hội thành giá trị

Mục Lục

Tóm tắt.....tr.3

Kinh tế Vĩ mô tháng 4 .....tr.4

Tổng quan TTCK tháng 4.....tr.16

Triển vọng TTCK tháng 5 .....tr.33

Lịch sự kiện tháng 5 .....tr.37

Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....tr.38

Tuyên bố miễn trừ..... tr.46

TÓM TẮT

- Chỉ số VN-Index giảm 1,46% trong tháng 4 do áp lực điều chỉnh từ nhóm cổ phiếu VN30 trước diễn biến bán ròng của NĐT tổ chức nước ngoài. Nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ tăng giá khá tốt nhờ đà phục hồi của nhóm cổ phiếu bất động sản, dịch vụ tài chính.
- Thanh khoản thị trường tháng 4 cao nhất kể từ đầu năm 2023 với sự tham gia tích cực hơn của nhóm nhà đầu tư cá nhân. Dòng tiền tập trung tại ngành bất động sản, dịch vụ tài chính và một số mã có kết quả kinh doanh quý I/2023 khả quan. Giá trị giao dịch bình quân ngành Bất động sản lần đầu vượt qua ngành ngân hàng kể từ tháng 9/2022 nhờ kỳ vọng vào những giải pháp tháo gỡ thị trường BĐS, trái phiếu và xu hướng giảm lãi suất.
- Dòng tiền ETF rút ròng nhẹ 28 triệu USD tại Việt Nam đến từ một số quỹ như DCVFMDiamond, DCVFMVN30, SSIAMFinLead, Fubon vẫn là quỹ hoạt động tích cực nhất tại Việt Nam trong tháng 4 với 4 triệu USD hút ròng.
- Các chỉ số vĩ mô tháng 4 vẫn cho thấy bức tranh ảm đạm về tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu. Điểm sáng đến từ đầu tư công, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, diễn biến ổn định của tỷ giá và xu hướng giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Chính phủ, NHNN cũng ban hành nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn, về pháp lý cho doanh nghiệp, thị trường BĐS và thị trường trái phiếu. Bối cảnh vĩ mô còn nhiều thách thức tuy nhiên được kỳ vọng có những chuyển biến tích cực hơn trong Quý II/2023.
- Định giá toàn thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,65 lần, thấp hơn 36% so với mức trung bình trong 10 năm gần nhất (16,5 lần). VN-INDEX phục hồi kém hơn so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực. Tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam thường có độ trễ 02-03 tháng so với các thị trường khác, nên có thể kỳ vọng VN-INDEX sẽ phục hồi tốt hơn trong Quý II/2023.
- Về phương diện kỹ thuật, VN-Index vẫn duy trì nền tảng tích lũy trung hạn chặt chẽ trong 6 tháng qua với biên độ dao động hẹp dần và hình thành mô hình Nêm. Có thể kỳ vọng thị trường trong tháng 5 sẽ chuyển trạng thái từ tích lũy sang xu hướng tăng với điều kiện cần là VN-Index tăng điểm tích cực để phá vỡ mô hình kèm theo sự cải thiện thanh khoản. Trong trường hợp này, VN-Index ngắn hạn có thể hướng tới vùng cản 1.100 – 1.150 điểm. Trong trường hợp thất bại, VN-Index sẽ quay trở lại giao dịch trong kênh giá tích lũy từ 1.040 điểm – 1.100 điểm.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị hiện gồm 16 mã cổ phiếu. Diễn biến chỉ số danh mục SHS trong tháng 4 kém tích cực hơn chỉ số VN-Index do diễn biến giảm của nhóm cổ phiếu lớn như BID, GAS, STB. Tại thời điểm cuối tháng 4/2023, VN-Index tăng 0,5% YTD trong khi Danh mục cổ phiếu SHS khuyến nghị giảm 0,1%. Cổ phiếu diễn biến tích cực nhất Danh mục SHS khuyến nghị tháng 4 là CSV với mức tăng 12,6%.

KINH TẾ VĨ MÔ
THÁNG 4

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 4

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4 tăng 3,6% MoM, và tăng 0,5% YoY. Tuy nhiên, tính chung 4 tháng đầu năm, IIP lại giảm 1,8%. Nguyên nhân do kinh tế thế giới phục hồi chậm, cộng thêm chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn khiến đơn hàng sản xuất giảm, kim ngạch xuất khẩu cũng giảm.

PMI tháng 04 tiếp tục giảm sâu khi nhu cầu vẫn còn yếu, các công ty gặp khó khăn trong việc tìm các đơn hàng mới. Cho thấy điều kiện hoạt động kinh doanh bị thu hẹp mạnh hơn trong tháng 4:

- Tháng thứ 2 liên tiếp, cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm. Tồn kho hàng thành phẩm tăng với mức độ lớn nhất trong thời gian hai năm.
- Các nhà sản xuất đã giảm tương ứng hoạt động mua hàng và việc làm. Các công ty tiếp tục cắt giảm số lượng nhân viên, với tốc độ giảm mạnh nhất trong một năm rưỡi. Việc mua hàng hóa đầu vào cũng giảm lần thứ 2 liên tiếp.
- Giá cả đầu vào tăng tăng với tốc độ chậm nhất trong gần 3 năm. Các nhà sản xuất đã bắt đầu hạ giá bán hàng để cố gắng kích thích nhu cầu, và áp lực chi phí giảm đã giúp việc giảm giá dễ dàng hơn.

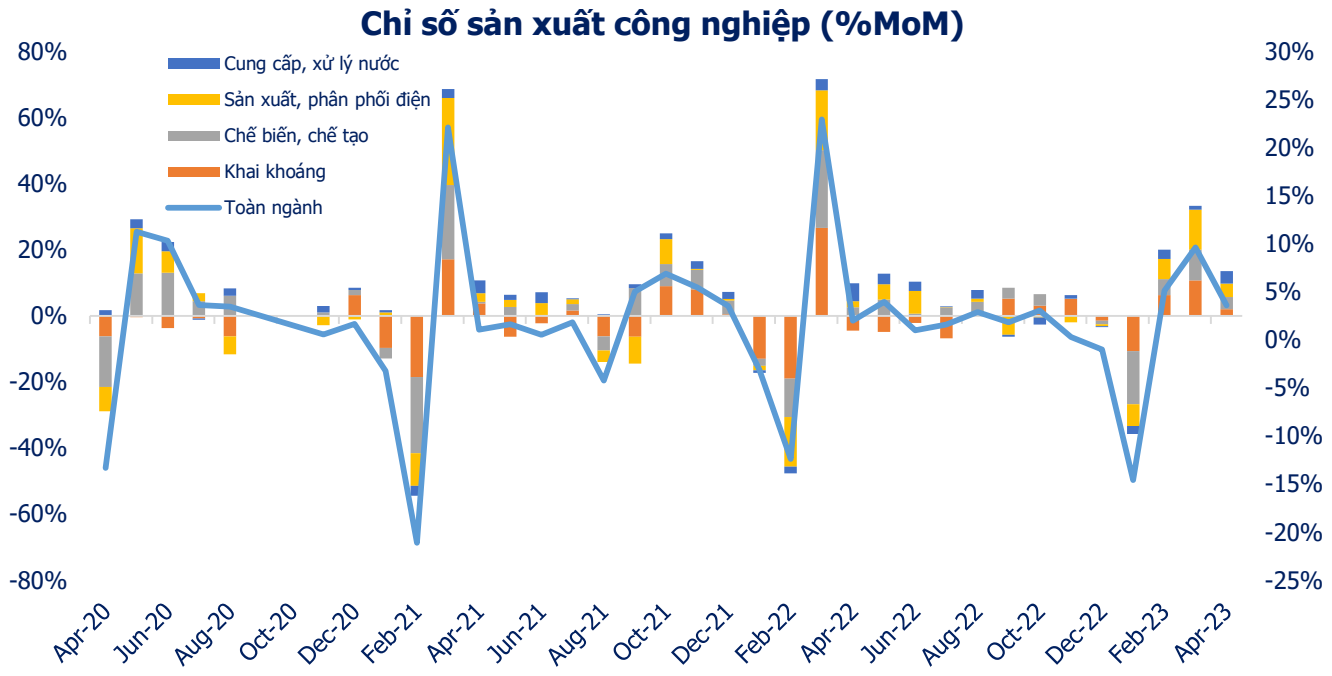

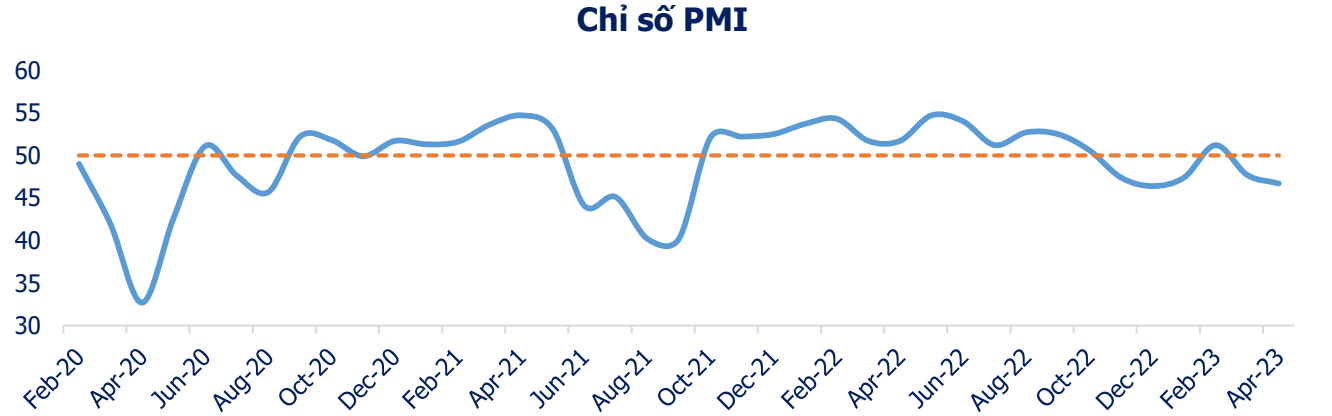

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Tổng mức bán lẻ đã vượt giai đoạn trước đại dịch Covid. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2023 ước đạt ước đạt 510,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.007,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,3%. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 14,5%; may mặc tăng 9,8%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 4,1%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 2,4%. Riêng nhóm vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 1,1%. Đáng chú ý, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng đầu năm tăng 26,7% so với 4 tháng đầu năm 2019 – năm trước khi xảy ra đại dịch Covid.

CPI tiếp tục hạ nhiệt. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm giảm giá so với tháng trước và chỉ 4 nhóm tăng giá khiến CPI tháng 04 giảm 0,34% so với tháng trước. Giáo dục vẫn là nhóm có mức giảm mạnh nhất (-1,3%) do Chính phủ yêu cầu các địa phương giữ ổn định mức thu học phí, kéo CPI chung giảm 0,08 điểm phần trăm. Theo sau là nhóm nhà ở và VLXD giảm 0,83%, chủ yếu do giá gas, điện, và nước giảm so với tháng trước. Ngược lại, Nhóm giao thông tăng 0,43% do giá xăng trong nước tăng 1,1% sau 3 đợt điều chỉnh giảm tháng trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,84% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,9%, cao hơn mức CPI bình quân chung.

Tăng trưởng bán lẻ

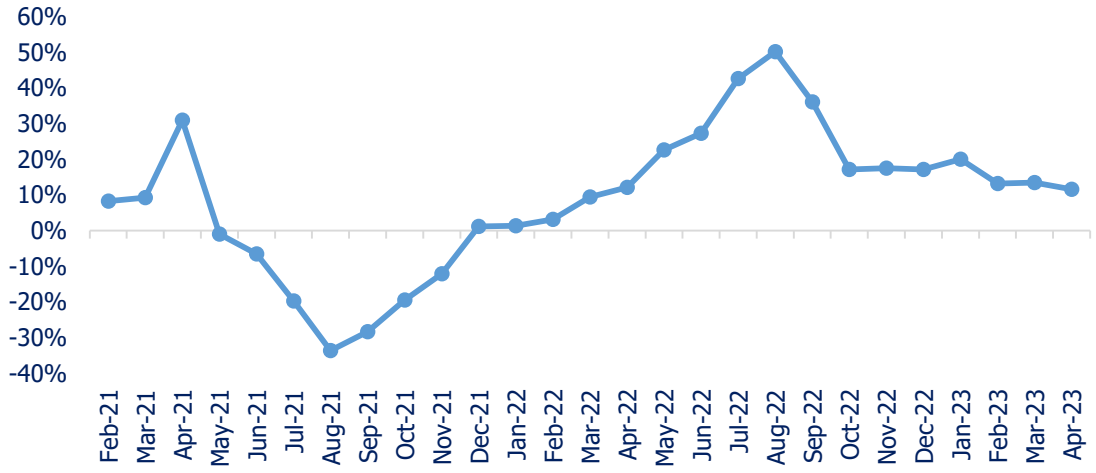

CPI (YoY)

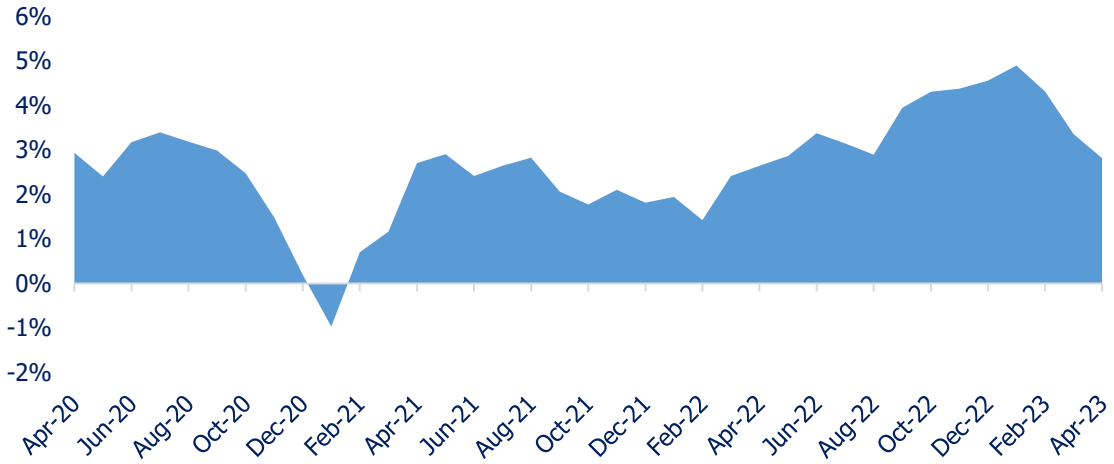

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Biến cơ hội thành giá trị

Diễn biến tỷ giá USD/VND

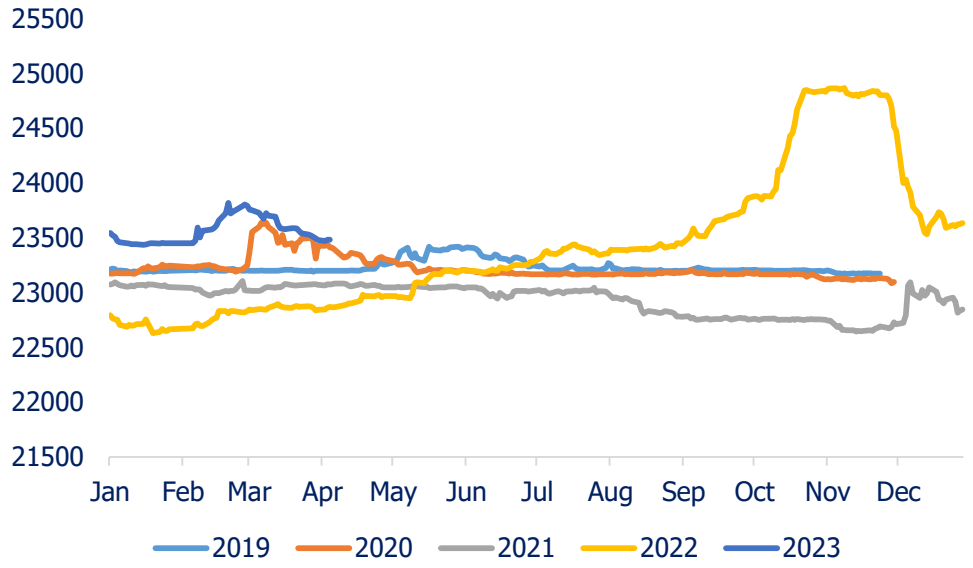

Đa số các đồng tiền tiếp tục theo xu hướng mạnh lên so với đồng USD khi xu hướng tăng lãi suất của FED dần kết thúc

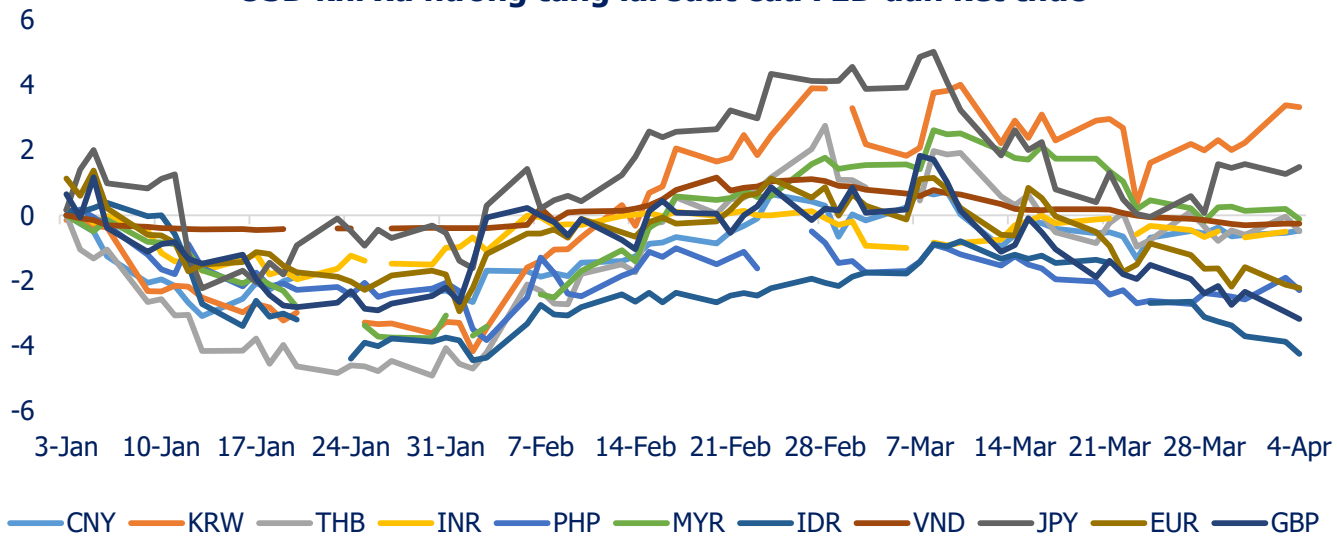

Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Đồng VND tăng giá 1,23% trong tháng 3 so với đồng USD. So với thời điểm đầu năm, tỷ giá USD/VND đang giảm nhẹ 0,58%. Đa số các đồng tiền tiếp tục mạnh lên so với đồng USD khi xu hướng tăng lãi suất của FED đang dần kết thúc. Sự phục hồi của đồng VND ở mức trung bình thấp so với đa số đồng tiền trong khu vực do VND chỉ mất giá nhẹ trong năm 2022. Chênh lệch lãi suất VND-USD kỳ hạn qua đêm duy trì ở mức âm, tuy nhiên áp lực lên tỷ giá hiện tại không nhiều nhờ đồng USD quốc tế suy yếu và nguồn cung ngoại tệ tích cực. NHNN đã mua vào được 4 tỷ USD trong quý đầu năm nhằm tăng dự trữ ngoại hối và hủy các giao dịch bán USD kỳ hạn.

Nguồn cung ngoại tệ của Việt Nam đang tích cực nhờ dòng vốn đầu tư nước ngoài FII, giải ngân vốn FDI và cán cân thương mại thặng dư do xuất nhập khẩu đều yếu. Trong ngắn hạn, trường hợp dòng vốn đầu tư nước ngoài không có diễn biến tiêu cực, áp lực lên đồng VND tạm thời ở mức thấp khi hoạt động xuất nhập khẩu dự kiến vẫn khó khăn trong Quý 2. Tuy nhiên rủi ro tỷ giá đối với đồng VND là hiện hữu, đặc biệt khi chênh lệch lãi suất VND-USD kỳ hạn qua đêm đang ở mức âm.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Biến cơ hội thành giá trị

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023

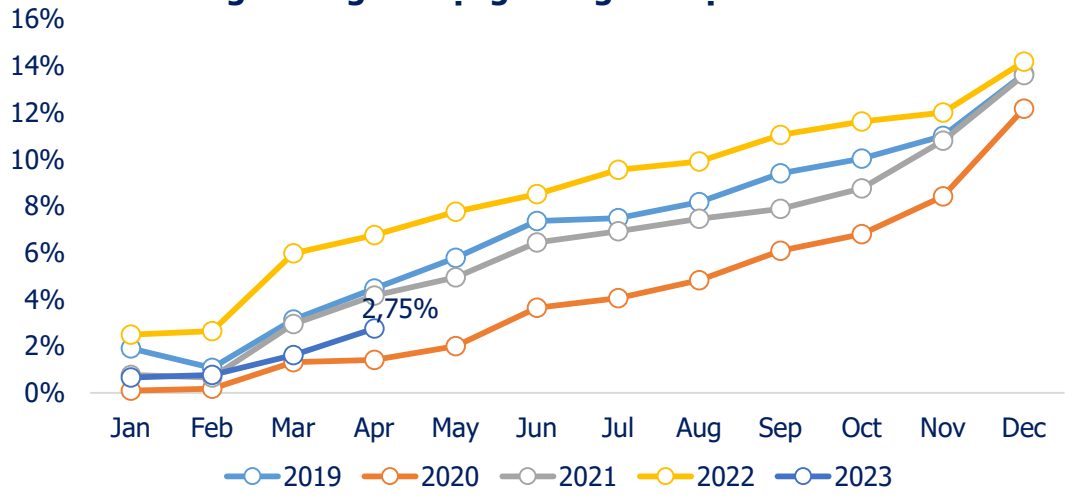

Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tăng trưởng cho vay Khách hàng Q1/2023

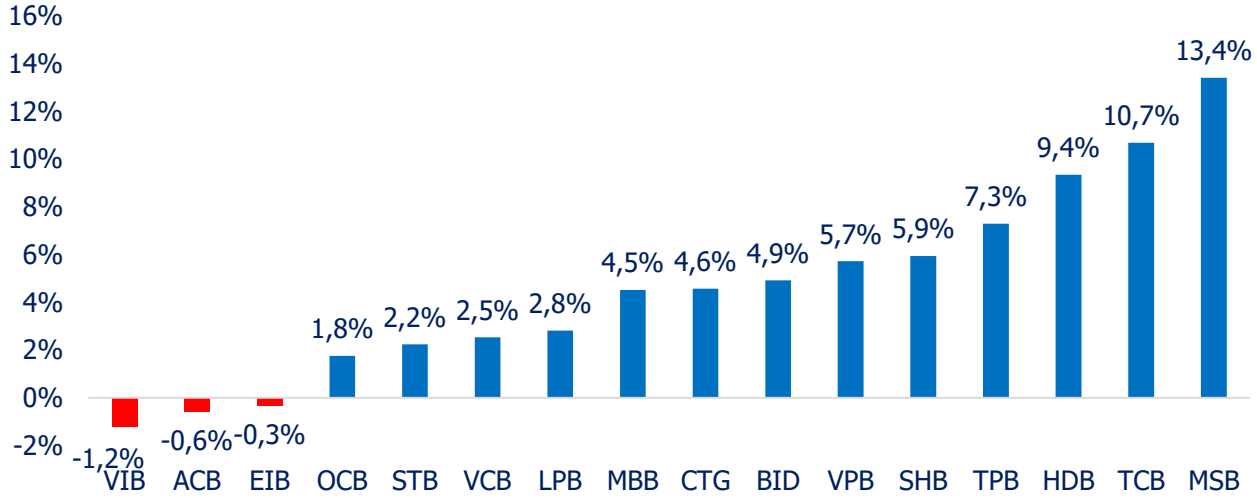

Tính đến ngày 25/4/2023, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt trên 12,25 triệu tỷ đồng (+2,75% YTD) trong đó tín dụng BĐS tăng 3,51%. Sức hấp thụ vốn thấp do thị trường xuất khẩu khó khăn, lãi suất vay còn ở mức cao và nền kinh tế chưa phục hồi hoàn toàn sau Covid. Theo số liệu từ BCTC Quý 1 của các Ngân hàng niêm yết, tăng trưởng tín dụng Q1/2023 không đồng đều giữa các Ngân hàng, tăng khá mạnh ở một số Ngân hàng có số dư trái phiếu lớn như TCB, MBB, TPB, VPB, tăng trưởng âm ở một số Ngân hàng có thế mạnh ở mảng tín dụng tiêu dùng như ACB, VIB. Điểm cần lưu ý là nhiều ngân hàng có tăng trưởng tín dụng cao đã sử dụng gần hết hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp vào đầu năm 2023.

Trong tháng 4, Chính phủ và NHNN ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn trên thị trường BĐS và TPDN: Nghị định 10 cho phép cấp GCN quyền sở hữu đối với loại hình BĐS không phải nhà ở; Nghị định 12 gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023; Thông tư 02 cho phép cơ cấu lại nợ không chuyển nhóm nợ và Thông tư 03 về giao dịch TPDN của các NHTM; Đề xuất giảm thuế VAT từ 10% xuống 8% đến hết năm 2023; Thành lập tổ công tác tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho các dự án BĐS. Các biện pháp hướng đến việc giải quyết các vướng mắc về mặt pháp lý nhằm giúp hỗ trợ giải quyết khó khăn về thanh khoản trên BĐS, trái phiếu doanh nghiệp. Hiện lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng trung bình của nhóm NHTMNN là 6,2%, nhóm NHTM cổ phần trong khoảng 7,4 - 8%. Lãi suất cho vay hiện khoảng 11-12%/năm cho kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp sản xuất, khoảng 13-14% đối với cho vay tiêu dùng, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay đối với khoản vay mới hiện khá ưu đãi, khoảng 9,5% - 10% nhằm khuyến khích doanh nghiệp vay vốn.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY

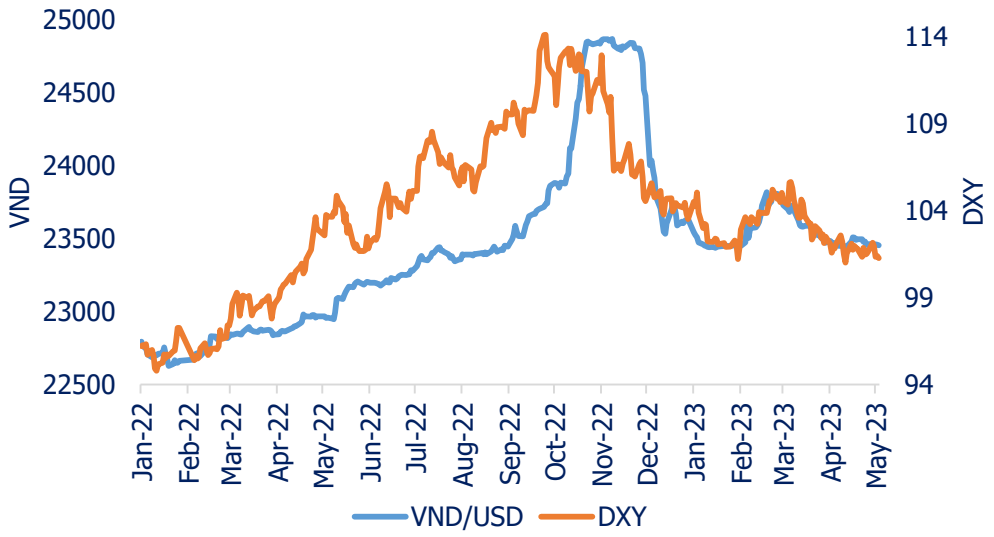

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

Đa số các đồng tiền tiếp tục theo xu hướng mạnh lên so với đồng USD khi xu hướng tăng lãi suất của FED dần kết thúc

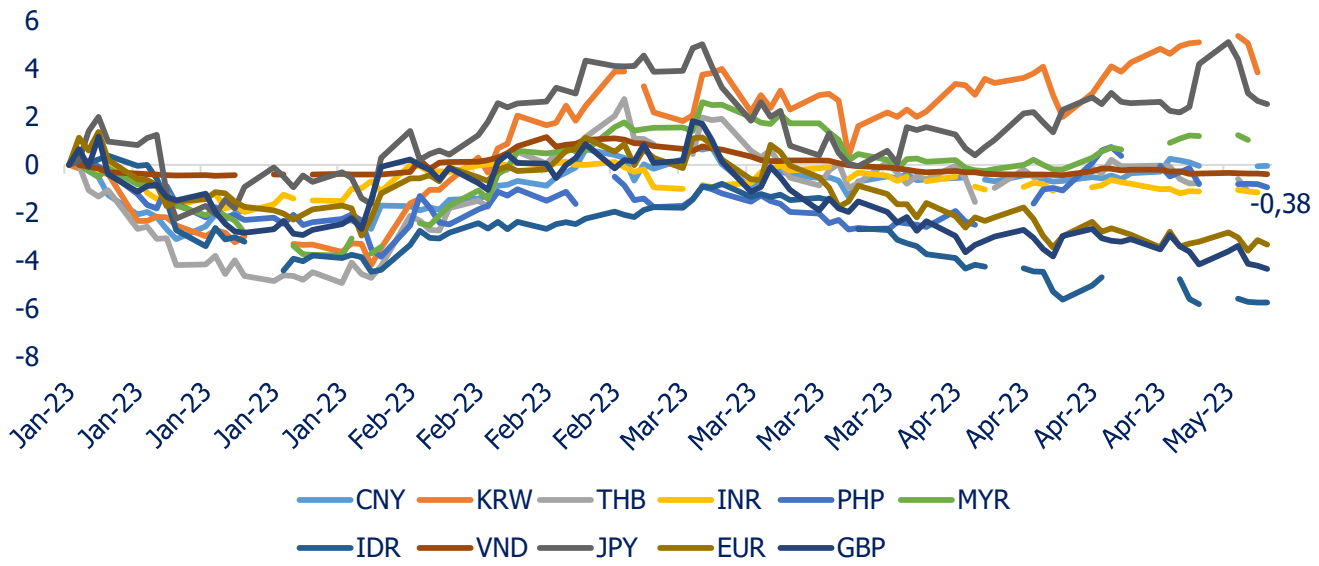

Ngày 03/05/2023, FED tăng lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm, lên khoảng 5,00-5,25%, đánh dấu lần tăng lãi suất thứ 10 liên tiếp kể từ tháng 3/2022. FED cũng phát đi tín hiệu có thể tạm dừng các đợt tăng lãi suất tiếp theo để đánh giá hậu quả các vụ đổ vỡ ngân hàng thời gian gần đây, chờ đợi giải pháp cho bế tắc chính trị về vấn đề trần nợ công và theo dõi quá trình lạm phát. Tuy nhiên, FED cho biết sẽ siết chặt tiền tệ qua thị trường trái phiếu và tiếp tục theo đuổi mục tiêu lạm phát 2%. Đồng USD vẫn trong xu hướng giảm giá từ nửa cuối Q4/2022 khi giai đoạn tăng lãi suất của FED đang đến điểm kết thúc.

Đồng VND mất giá nhẹ 0,05% trong tháng 4 so với đồng USD, chờ đợi động thái tăng lãi suất của FED tại kỳ họp đầu tháng 5. So với thời điểm đầu năm, tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,38%, tương đương đồng VND tăng giá nhẹ 0,38% so với đồng USD, sau diễn biến giảm giá 3,54% trong năm 2022. Đa số các đồng tiền tiếp tục mạnh lên so với đồng USD. Sự phục hồi của đồng VND ở mức thấp so với đa số đồng tiền trong khu vực do VND chỉ mất giá nhẹ so với USD trong năm 2022. Áp lực tỷ giá giảm bớt là điều kiện quan trọng giúp NHNN đi đầu trong việc nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Lũy kế 4 tháng đầu năm, NHNN đã mua vào được 6 tỷ USD nhằm tăng dự trữ ngoại hối, tương đương bơm khoảng 140 nghìn tỷ đồng ra nền kinh tế.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Tổng thu NSNN tháng 4/2023 ước đạt 139,1 nghìn tỷ đồng, lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 645,4 nghìn tỷ đồng, bằng 39,8% dự toán năm, giảm 5% YoY. Tổng chi NSNN tháng 4/2023 ước đạt 135,3 nghìn tỷ đồng; lũy kế bốn tháng đầu năm ước đạt 500,3 nghìn tỷ đồng, bằng 24,1% dự toán năm, tăng 6,1% YoY. Bội thu NSNN 4 tháng đầu năm 145 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 4 ước đạt gần 39,3 nghìn tỷ đồng (+16,4% YoY), tính chung 4 tháng đầu năm 2023, ước đạt 131,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm (+17,9% YoY). Chi đầu tư công vẫn là điểm sáng khi tăng khá 18% so với cùng kỳ, tuy mới chỉ đạt 19% kế hoạch năm. Điểm nóng thu hút sự quan tâm của người dân là dự án sân bay Long Thành chậm tiến độ, lần thứ 2 phải lùi thời hạn đấu thầu, đang xin phép lùi thời gian bàn giao sang năm 2026. Theo Bộ GTVT, vấn đề khó khăn hiện nay là đấu thầu do đây là một quá trình cạnh tranh, cần đảm bảo tính hiệu quả hoạt động và thời hạn triển khai. Bộ GTVT phối hợp với ACV đang kêu gọi các nhà thầu xây dựng trong lĩnh vực sân bay của các nước trên thế giới tham gia vào các dự án. Bộ GTVT giao cho ACV rà soát lại và báo cáo về cơ sở thực tiễn, pháp lý, căn cứ vào kết quả đấu thầu, đàm phán thương thảo với nhà thầu trên nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, không đánh đổi chất lượng lấy tiến độ.

Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2021-2023

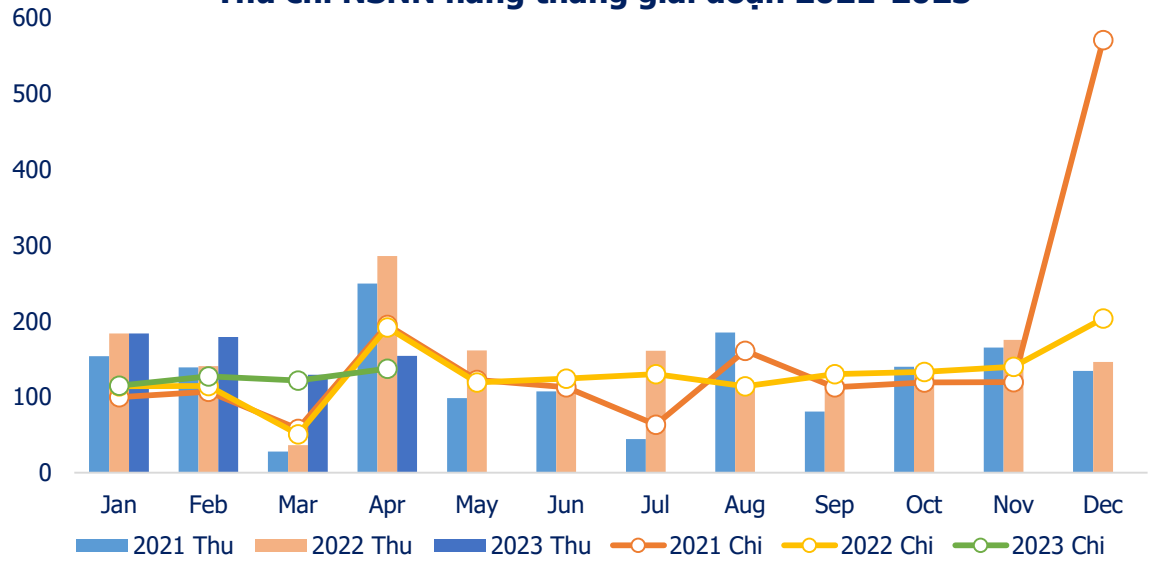

Đầu tư công từ NSNN hàng tháng

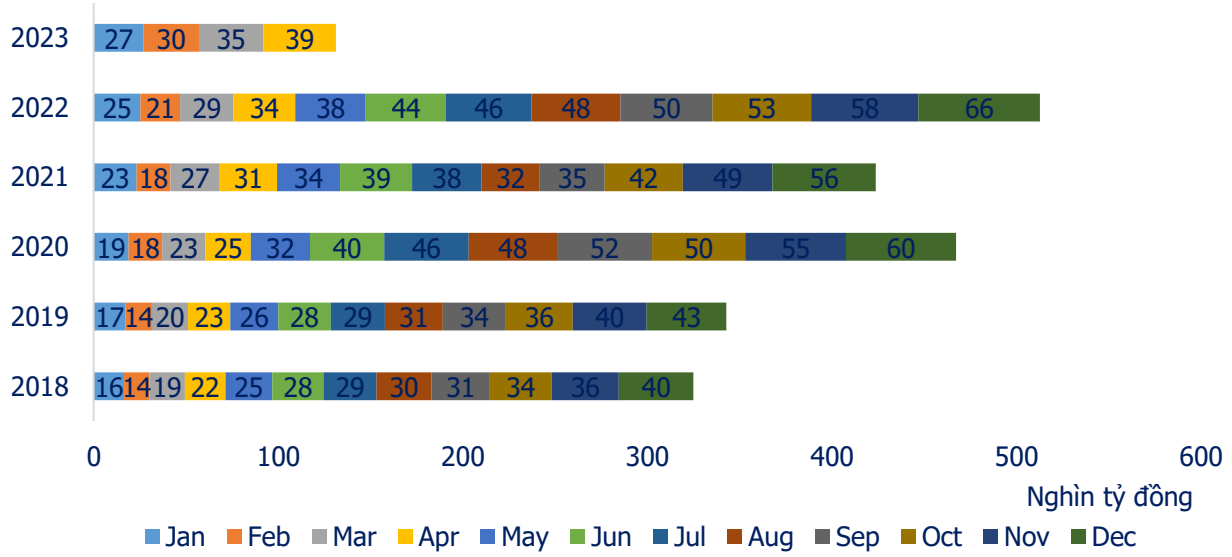

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2023 đạt 8,88 tỷ USD, giảm 17,9% YoY, trong đó vốn cấp mới đạt 4,1 tỷ USD, tăng 11,05%, vốn tăng thêm đạt 1,66 tỷ USD, giảm mạnh 68,6%, góp vốn mua cổ phần đạt 3,11 tỷ USD, tăng mạnh 70,45% YoY. Vốn FDI thực hiện 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 5,85 tỷ USD, giảm 1,18% YoY. Thương vụ góp vốn mua cổ phần của SMBC với VPBank trị giá 1,5 tỷ USD giúp Hà Nội vượt Bắc Giang trở thành địa phương thu hút vốn FDI nhiều nhất cả nước 4 tháng đầu năm 2023, đạt 1,7 tỷ USD.

Về thuế tối thiểu toàn cầu - sắc thuế sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng thu hút FDI của Việt Nam - định hướng của Việt Nam sẽ là chủ động sớm ban hành quy định pháp luật để giành quyền đánh thuế tối thiểu toàn cầu (15%), thay đổi các ưu đãi trước đây Việt Nam đã cam kết. Song song với việc đánh thuế, Việt Nam sẽ đưa ra các giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiếp tục đầu tư vào Việt Nam cũng như giành các ưu đãi cho họ phù hợp với các điều kiện về chính sách thuế tối thiểu toàn cầu cũng như các chính sách khác mà Việt Nam là thành viên tham gia cam kết.

Các ưu đãi thông qua việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo nhân lực, nghiên cứu phát triển và những chính sách khác phù hợp với cam kết của Việt Nam trong hội nhập quốc tế và cũng thỏa mãn những doanh nghiệp FDI mà Việt Nam có sự thay đổi về thuế toàn cầu. Dự kiến các Bộ, ngành liên quan sẽ báo cáo Chính phủ cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác để ban hành Luật Thuế tối thiểu toàn cầu trong năm 2023.

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng

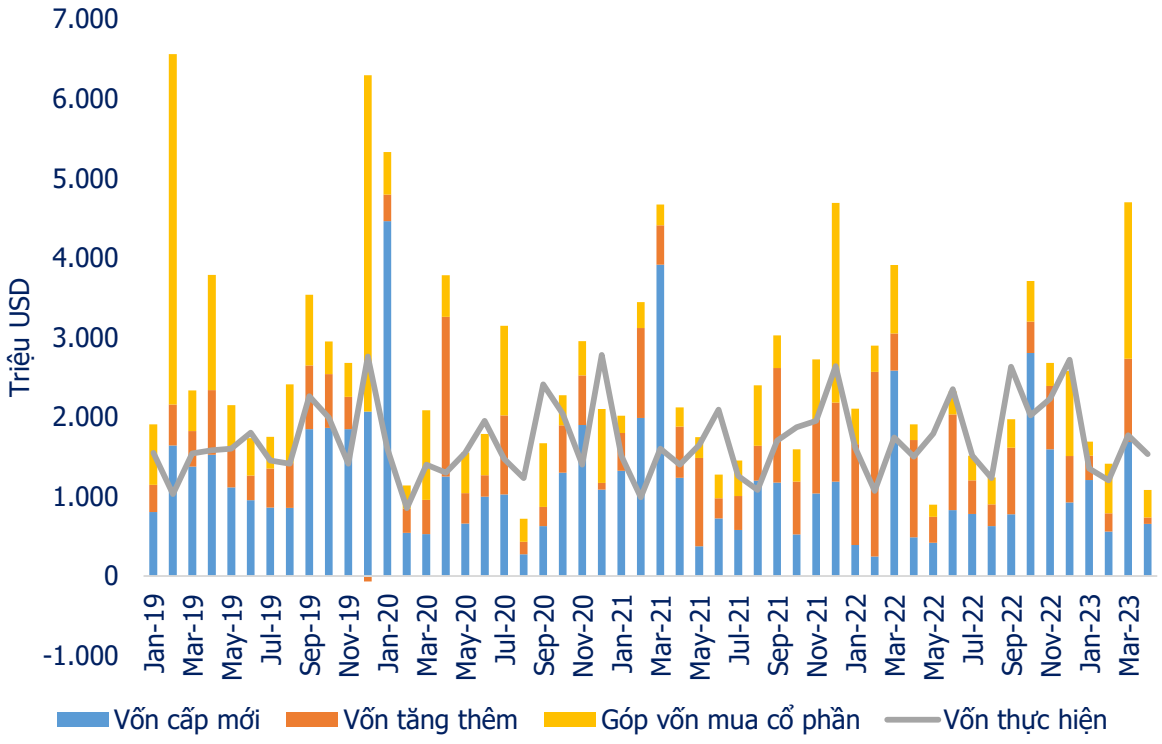

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 4/2023 ước đạt 27,54 tỷ USD, giảm 7,3% MoM và giảm 17,1% YoY. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 108,57 tỷ USD, giảm 11,8% YoY. Kim ngạch xuất khẩu tháng 4 các sản phẩm chủ lực của Việt Nam tiếp tục giảm so với cùng kỳ gồm thủy sản (-33%), gỗ (-35%), dệt may (-24%), giày dép (-11%), điện tử, máy tính, linh kiện (-8%), điện thoại và linh kiện (-31%), máy móc thiết bị (-14%). Tính chung 4 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản (-29%), gỗ (-31%), dệt may (-19%), giày dép (-16%), điện tử, máy tính, linh kiện (-9%), điện thoại và linh kiện (-17%), máy móc thiết bị (-6%) so với cùng kỳ. Như vậy hoạt động xuất khẩu vẫn đang thể hiện tình hình khó khăn, chưa có sự cải thiện.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2023 ước đạt 26,03 tỷ USD, giảm 8,1% MoM và giảm 20,5% YoY. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 102,22 tỷ USD, giảm 15,4% YoY. Kim ngạch nhập khẩu tư liệu phục vụ sản xuất gồm điện tử, máy tính, linh kiện trong tháng 4 giảm 20% YoY, 4 tháng giảm 14% YoY. Số liệu tương tự với máy móc thiết bị, giảm lần lượt 15% và 14%.

Cán cân thương mại hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 6,35 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 8,04 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 14,39 tỷ USD.

Cán cân Thương mại (Triệu USD)

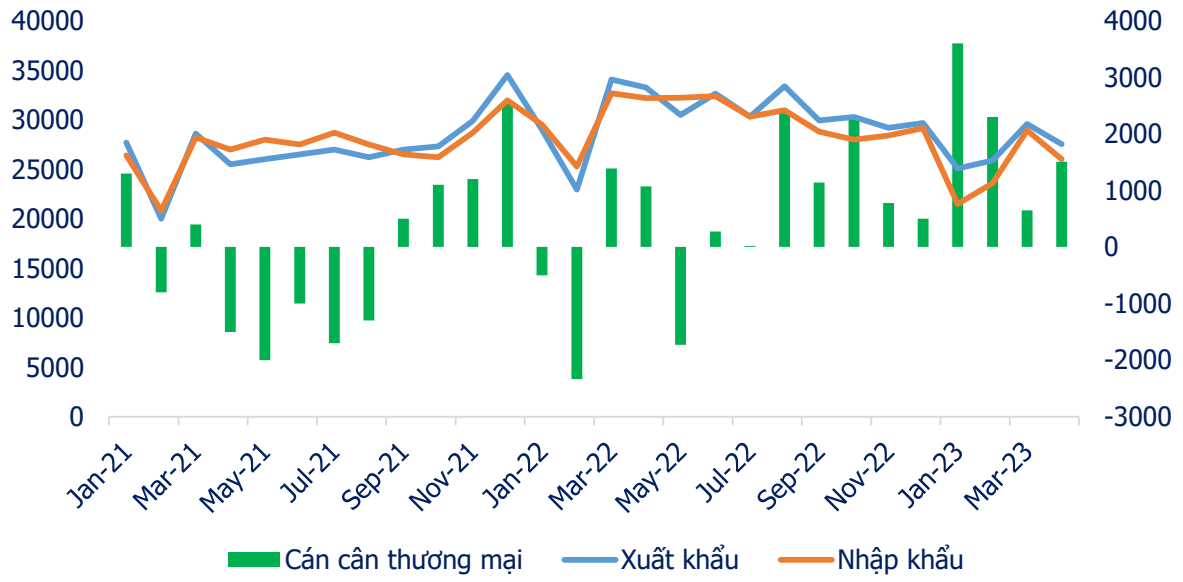

Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)

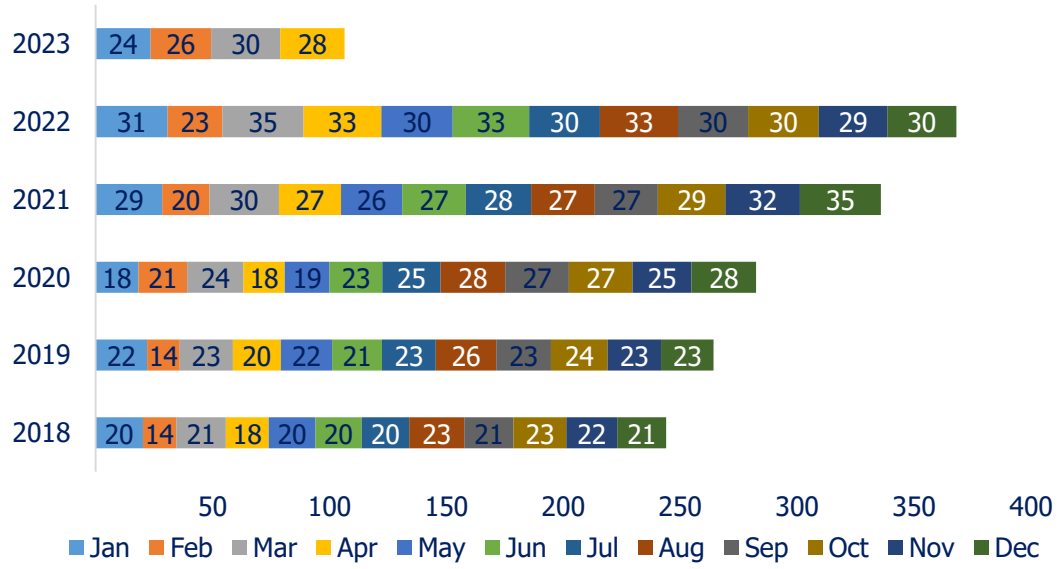

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 47,8 tỷ USD (-15% YoY) trong đó xuất khẩu giảm 13% còn nhập khẩu giảm 16%. Tháng 4 chứng kiến mức tăng ấn tượng của khách du lịch đến từ thị trường Trung Quốc khi Việt Nam đón 111.903 lượt khách, gần gấp đôi lượng khách của tháng 3. Tính chung 4 tháng đầu năm, lượng khách Trung Quốc tới Việt Nam đạt trên 252.000 lượt, gấp 3,5 lần so với cả năm 2022.

XNK Việt Nam - Trung Quốc

Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)

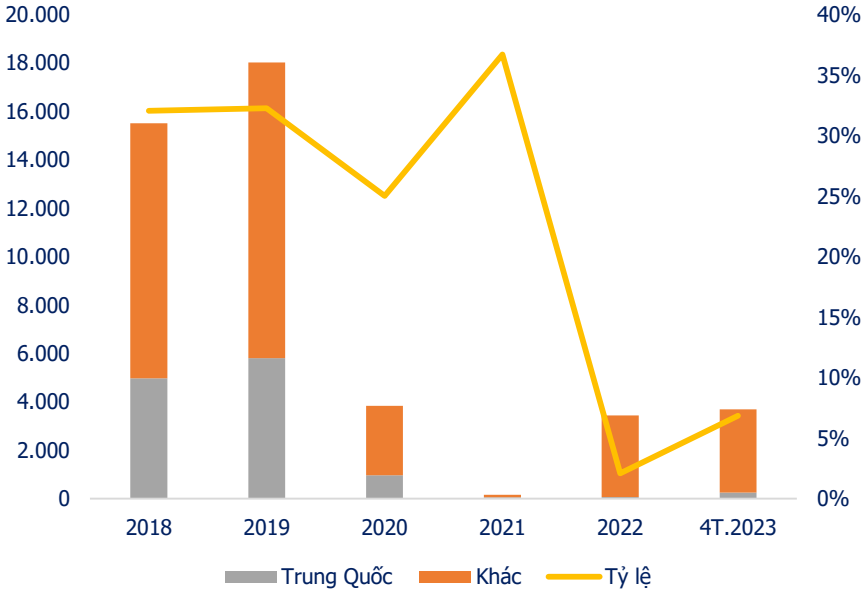

FDI từ Trung Quốc

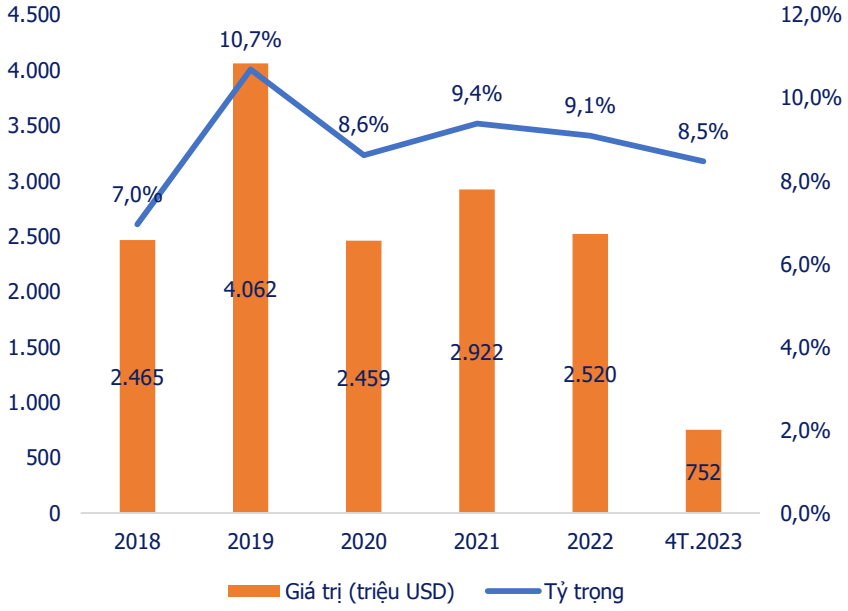

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 4

Chỉ tiêu	Apr-22	May-22	Jun-22	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23
Chỉ số kinh tế													
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	9%	10%	11.5%	11.2%	15.6%	13.0%	6.3%	3.5%	0.2%	-8.0%	3.6%	-1.6%	0.50%
PMI (điểm)	51.7	54.7	54.0	51.2	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	7%	10%	11.70%	16%	19.30%	21%	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%	13.90%	12.80%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	8%	8%	8.90%	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%	15.10%	13.50%	-16.30%	-4.90%	-2.30%	-1.20%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-12%	-16%	-8.10%	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%	7.40%	-17.90%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	17%	17%	17.30%	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%	-11.90%	-11.80%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	16%	16%	15.50%	13.60%	13.60%	13%	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%	-14.70%	-15.40%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	2.53	0.52	0.28	0.02	2.42	1.14	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30	0.65	1.51
Ổn định vĩ mô													
Lạm phát (% YoY)	3%	3%	3.37%	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%	3.4%	2.81%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	1%	1.61%	1.98%	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%	5.0%	4.90%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	6.8%	7.8%	8.5%	9.42%	9.91%	10.54%	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%	1.6%	2.57%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	3.5%	3.3%	3.78%	3.18%	2.68%	3.21%	3.08%	3.55%	6.15%	0.79%	0.32%	0.57%	
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4%	4%	4%	4%	4%	5%	6%	6%	6%	6%	6%	5.5%	5.5%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	3.5%	3.5%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	1.43%	0.43%	0.74%	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%	1.0%	4.41%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.44%	3.08%	3.41%	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%	3.5%	3.33%
CDS 5 năm	138.34	122.98	164.52	143.93	147.78	186.35	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37	134.4	133.85
VND/USD (% MoM)	0.1%	0.5%	0.4%	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%	-1.35%	-0.05%

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 4

Trong tháng 4, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp trầm lắng trở lại với 1 doanh nghiệp phát hành thành công, quy mô 671 tỷ đồng. Lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp 4 tháng đầu năm đạt 29.096 tỷ đồng, giảm 37% YoY, chủ yếu nhờ giá trị phát hành gần 26 nghìn tỷ đồng trong tháng 3, tập trung tại một số doanh nghiệp BĐS.

Hoạt động đàm phán giữa tổ chức phát hành và trái chủ diễn ra tích cực hơn. Trên 20 doanh nghiệp đạt được thỏa thuận gia hạn thanh toán trái phiếu, đã có báo cáo chính thức lên HNX. Hoạt động mua lại trước hạn có phần chậm đi, với hơn 4.833 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ được mua lại trong tháng 4. Tổng giá trị mua lại trước hạn trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt hơn 39.388 tỷ đồng.

Theo HNX, tính đến 24/04/2023, có khoảng 57 doanh nghiệp chậm nghĩa vụ thanh toán lãi, hoặc gốc trái phiếu. Ước tính, tổng dư nợ lãi chậm thanh toán vào khoảng 152.700 tỷ đồng, chiếm 13,9% dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ toàn thị trường. Trong tháng 5 sẽ có khoảng 17.900 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đáo hạn, tăng 12,6% so với tháng 4.

Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023

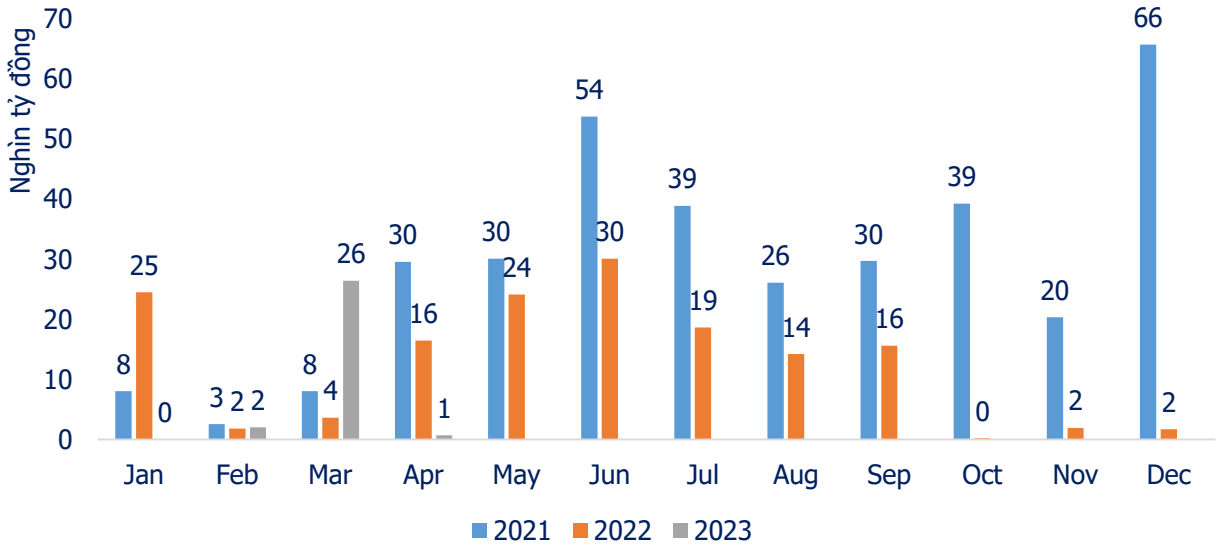

Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2023 - 2024

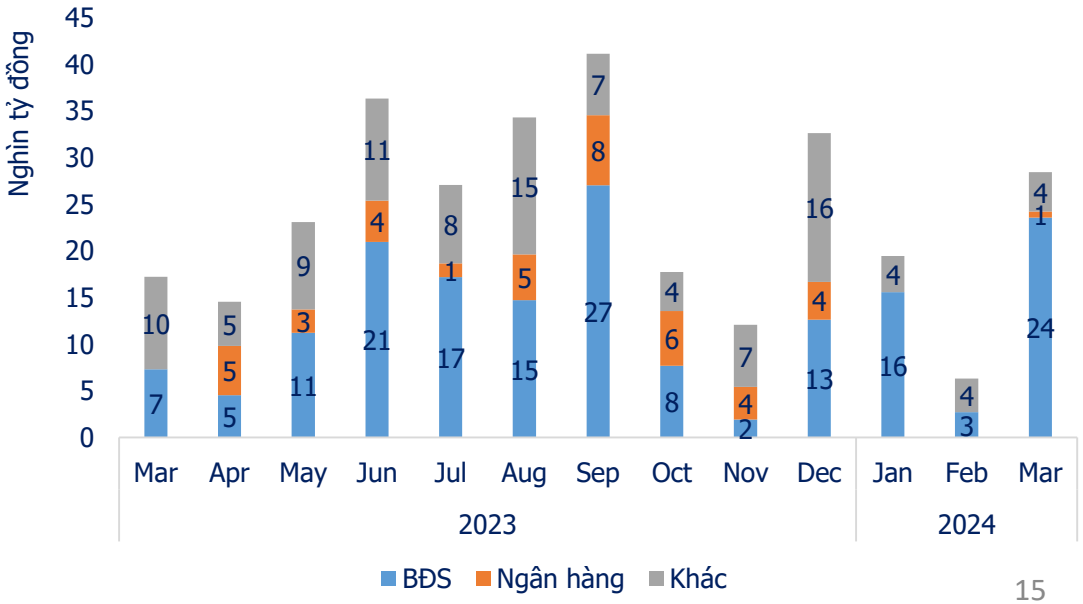

Nguồn: VBMA

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

VN-INDEX điều chỉnh, tích lũy trong tháng 4/2023. Chịu áp lực bán ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN-INDEX không thể giữ được vùng giá 1.075 điểm đầu tháng 4 và giảm về vùng 1.030 điểm trước khi phục hồi đóng cửa tháng 4 ở mức 1.049,12 điểm, giảm 1,46% so với tháng 3. Dường như những thông tin vĩ mô kém tích cực trong Quý I và báo cáo kinh doanh quý với gam màu xám của các doanh nghiệp là các yếu tố ảnh hưởng tới tâm lý thị trường trong tháng 4 dù có nhiều thông tin hỗ trợ như hạ lãi suất điều hành, ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ vướng mắc pháp lý của các dự án bất động sản tại nhiều địa phương. Thị trường phân hóa mạnh giữa các cổ phiếu trong từng ngành nghề khi dòng tiền tập trung vào các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh quí I tăng trưởng tốt. Trong khi đó thị trường thế giới không có nhiều biến động khi quá trình xử lý các ngân hàng yếu kém vẫn tiếp diễn và thị trường đang chờ đợi quyết định họp tăng lãi suất của FED trong kỳ họp tháng 5/2023.

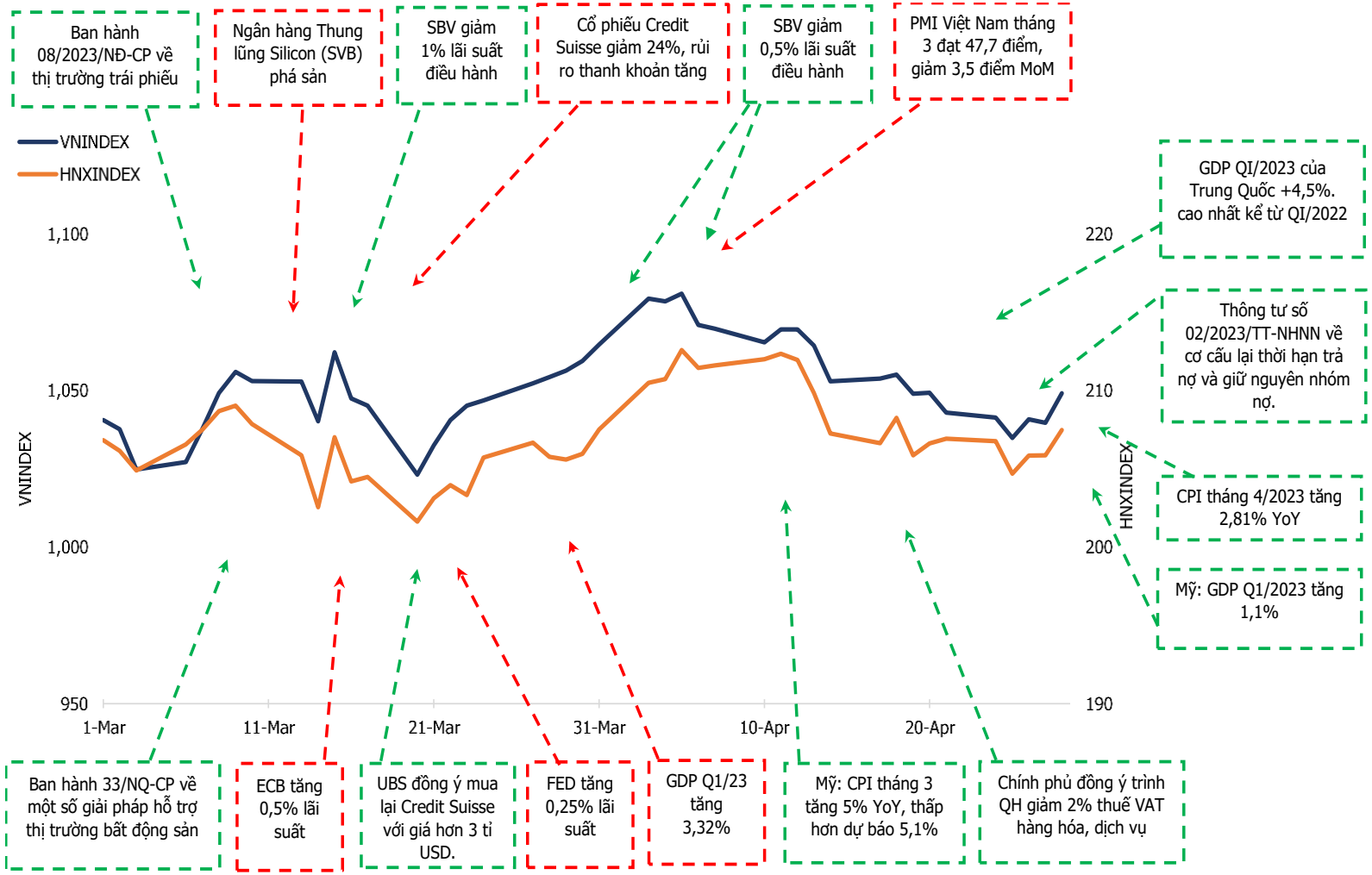

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 ảnh hưởng tiêu cực đến VN-INDEX. Trong tháng 4/2023 nhóm cổ phiếu VN30 chịu áp lực điều chỉnh giảm 2,07% sau tháng 3 phục hồi tốt, một phần đến từ áp lực bán ròng của các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Trong khi đó nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ lại phục hồi tăng giá khá tốt thể hiện qua chỉ số VNSML tăng 5,8% và VNMID tăng 2,4% nhờ ảnh hưởng phục hồi tốt của nhóm cổ phiếu bất động sản, dịch vụ tài chính. Thanh khoản nhóm VNMID và VNSML cũng cải thiện mạnh, thể hiện nhà đầu tư cá nhân đang tăng cường giao dịch trở lại.

Kết thúc 4 tháng đầu năm 2023, các chỉ số VN-INDEX và VN30 kém lạc quan khi cuối tháng 4 giá thấp hơn mức giá mở cửa đầu năm 2023 tương ứng với VN-INDEX là 1.064,64 điểm, VN30 là 1.073,68 điểm.

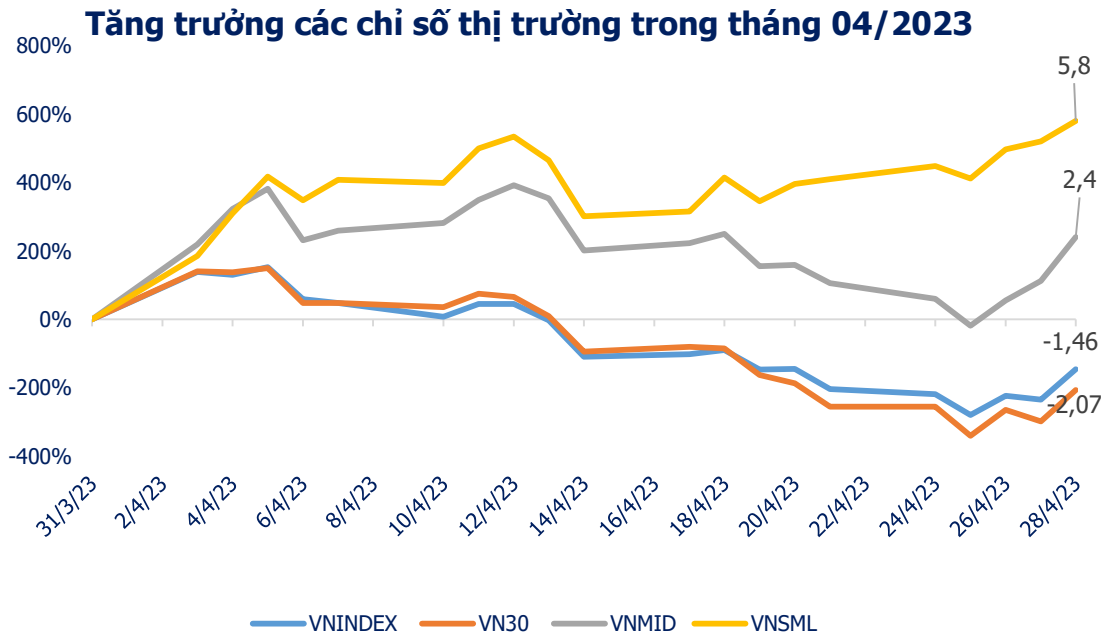

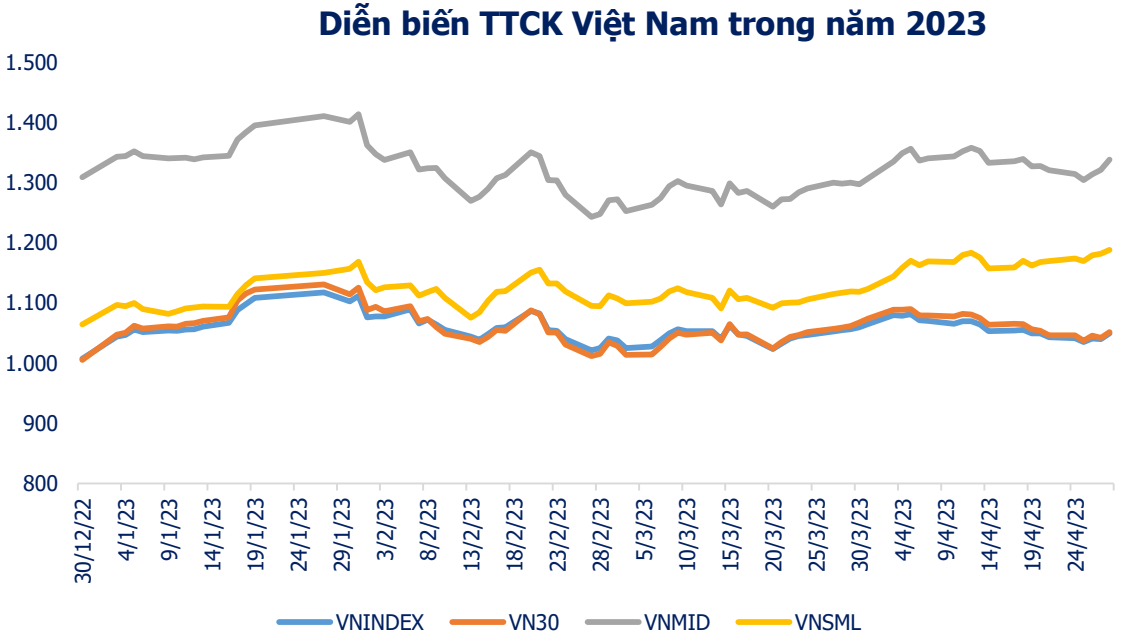

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Trong số các cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số, GAS (-9,0%) có tác động tiêu cực nhất, tiếp theo là các cổ phiếu nhóm ngân hàng như BID (-5,8%), VPB (-5,5%)… và các cổ phiếu như VIC (-5,3%), VHM (-3,9%), SAB (-6,9%)… Ở chiều ngược lại chỉ có 2 cổ phiếu lớn tác động tích cực là HPG (+4,1%) và TCB (+4,1%) tiếp đó là NVL (+12,6%), DIG (+38,5%)… Diễn biến này thể hiện rõ sự phân hóa mạnh trong từng nhóm ngành nghề và ảnh hưởng tích cực chủ yếu đến từ sự phục hồi của nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình và nhỏ.

VN-INDEX đang ở vùng định giá trước thời điểm đại dịch và chỉ số VN-INDEX vẫn phục hồi yếu kém so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực. Tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam thường có độ trễ 2-3 tháng so với các thị trường khác, nên vẫn có thể kỳ vọng VN-INDEX có khả năng sẽ phục hồi tốt hơn trong Quý II/2023.

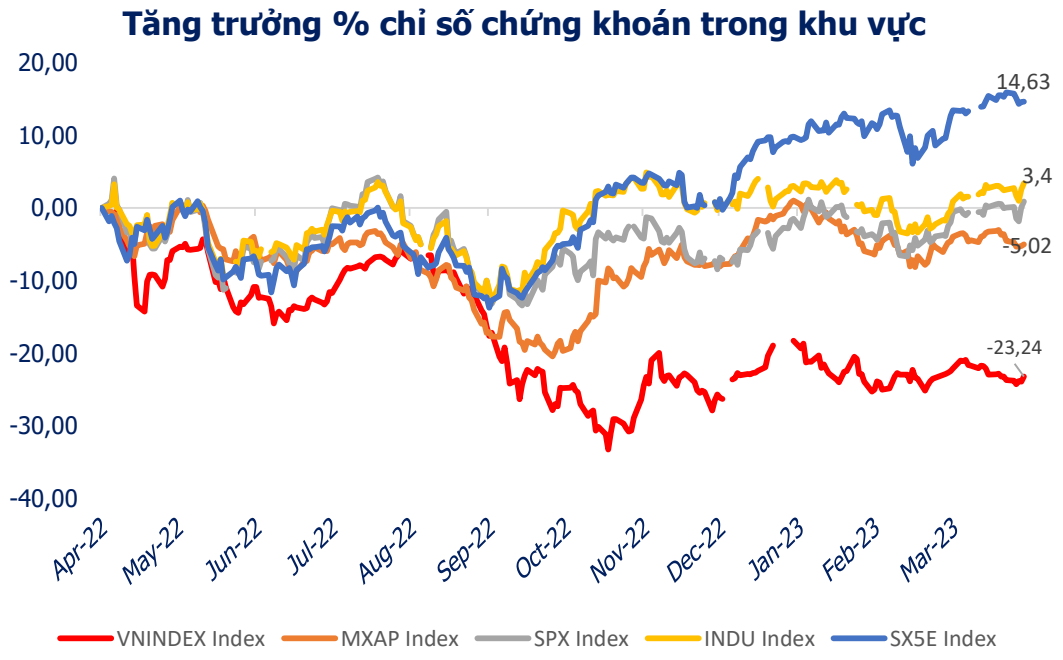

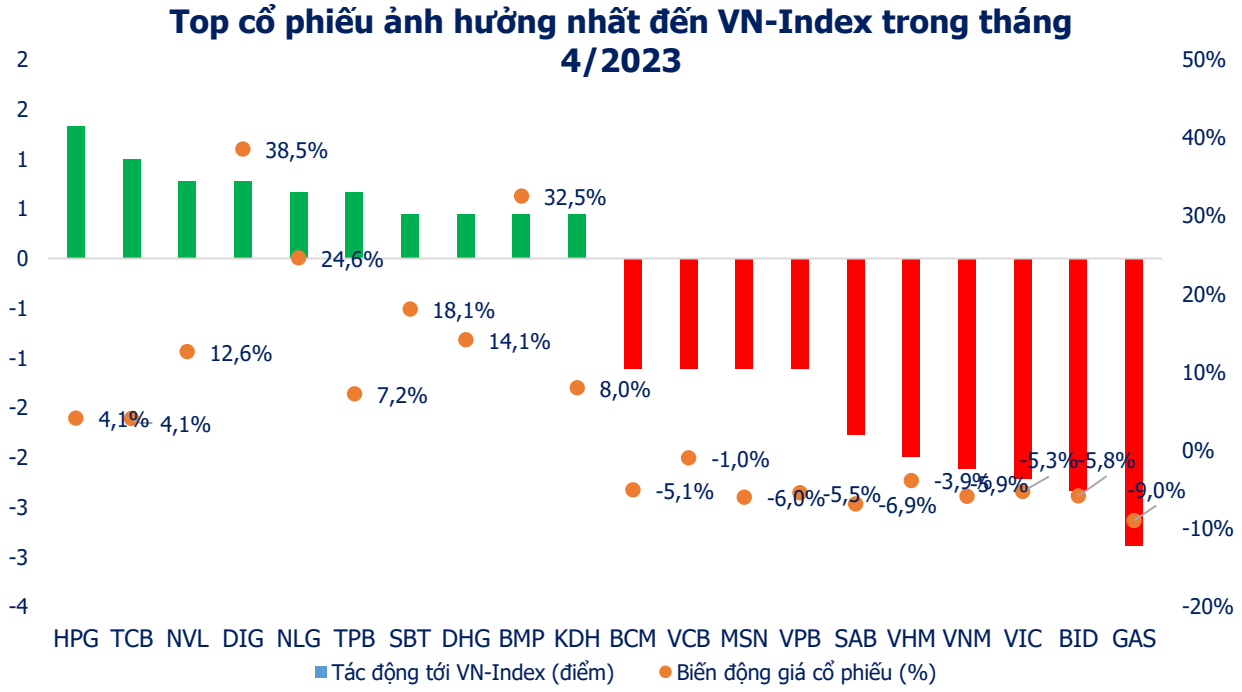

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Thanh khoản tháng 04 cao nhất từ đầu năm 2023. Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 4/2023 đạt 13.270 tỷ đồng/phiên, tăng 24,5% so với tháng 03/2023 trong đó tại sàn HOSE là 11.190 tỷ đồng/phiên (+20,8% MoM) tại HNX là 1.349,05 tỷ đồng (+35% MoM) và tại Upcom là 732 tỷ đồng/phiên (+81,2% MoM) tuy nhiên vẫn thấp hơn mức trung bình trượt 12 tháng gần nhất (14.460 tỷ đồng/phiên).

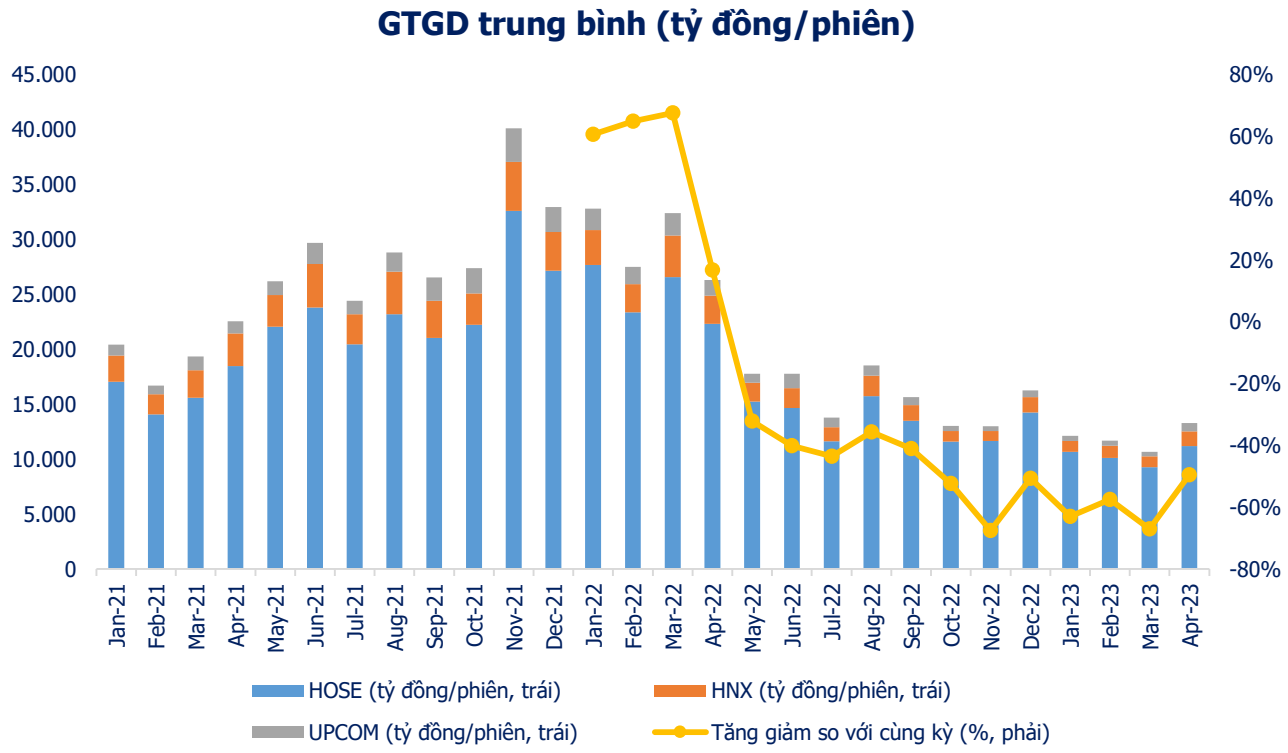

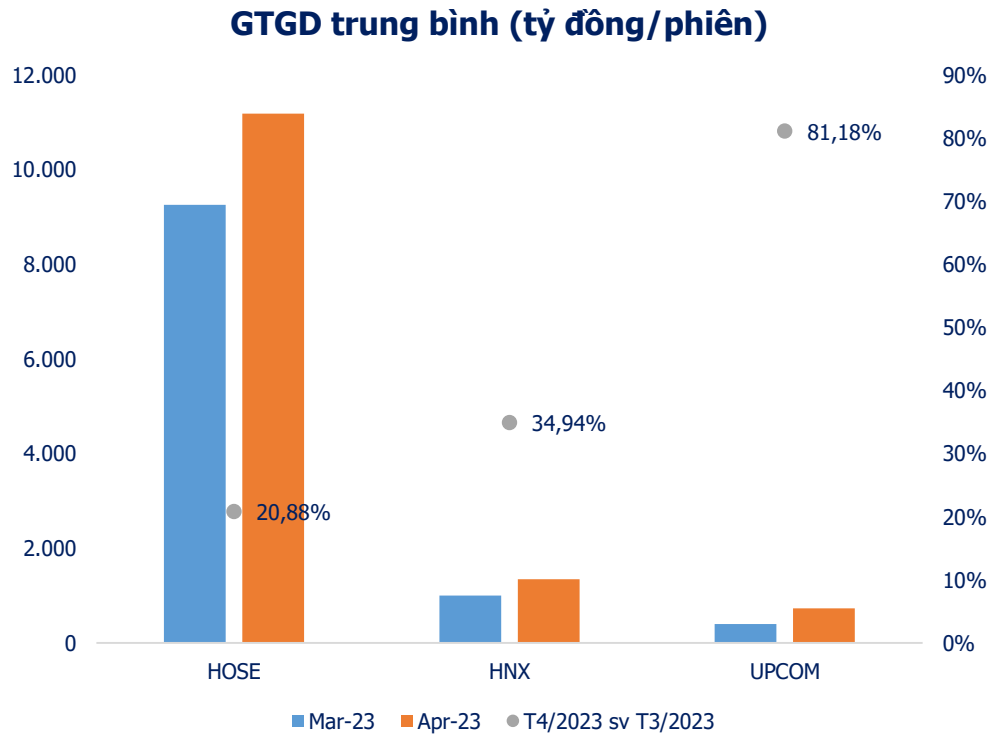

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Biến cơ hội thành giá trị

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)

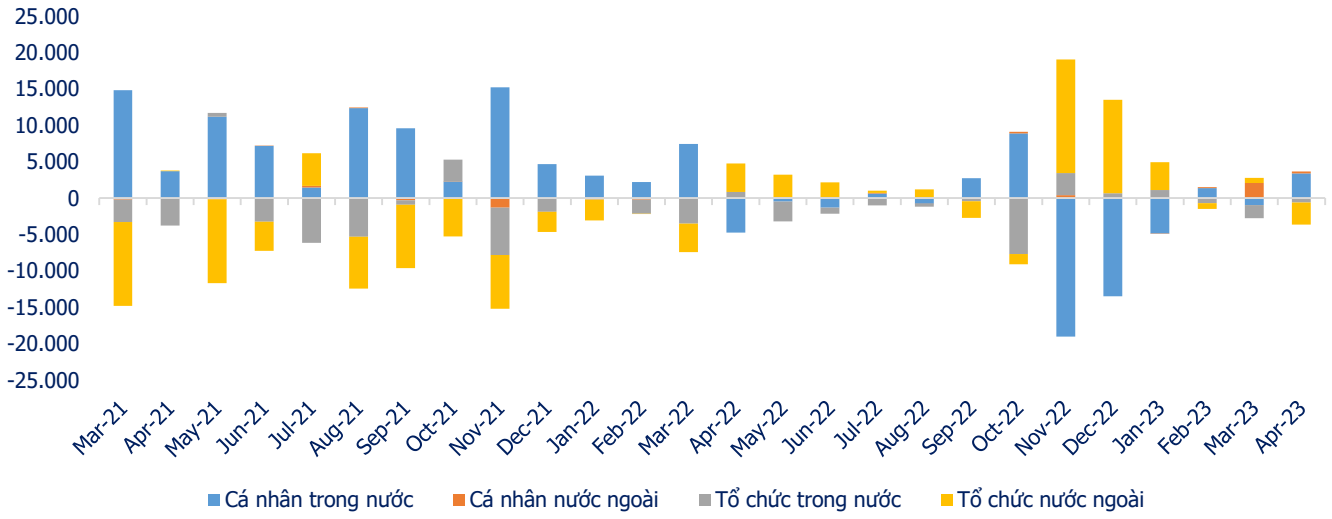

Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng

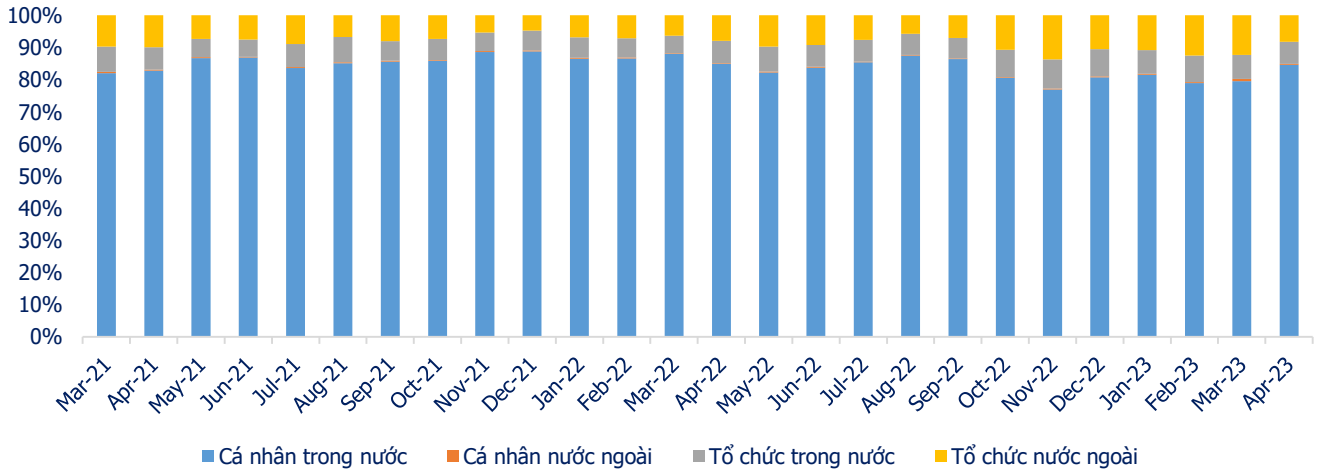

Sự gia tăng thanh khoản chung trong tháng 4/2023 có sự đóng góp lớn từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước khi tỷ trọng giao dịch của nhóm này tăng từ 79,5% trong tháng 3 lên 84,6%, cao hơn mức trung bình 02 năm gần đây. Trong khi đó các nhóm nhà đầu tư còn lại giảm quy mô giao dịch qua đó khiến cho tỷ trọng đều giảm. Cụ thể tỷ trọng của nhóm tổ chức nước ngoài giảm từ 12,3% trong tháng 03 xuống còn 8,3% trong tháng 04. Tỷ trọng của tổ chức trong nước tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp xuống mức 6,9%. Tỷ trọng của cá nhân nước ngoài giảm từ 0,7% xuống 0,3%.

Nhà đầu tư cá nhân mua ròng từ nhóm nhà đầu tư tổ chức trong tháng 4. Nhà đầu tư cá nhân trong nước sau khi bán ròng trong tháng 03 đã mua ròng mạnh trở lại trong tháng 4 với giá trị 3.374 tỷ đồng. Cá nhân nước ngoài tiếp tục mua ròng với giá trị 271 tỷ đồng. Trong khi đó nhóm tổ chức nước ngoài bán ròng mạnh 3.044 và tổ chức trong nước duy trì bán ròng tháng thứ 3 liên tiếp với giá trị 601 tỷ đồng.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Sự gia tăng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân kéo theo tỷ trọng của nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ tăng do đây là các cổ phiếu ưa thích của nhóm này. Cụ thể tỷ trọng giao dịch của VNMID tăng mạnh trong tháng 04 lên mức 45,75% so với 41,46% trong tháng 3, nhóm VNSML cũng cải thiện tăng lên 14,63% từ 12,17%. Trong khi đó tỷ trọng nhóm cổ phiếu VN30 giảm khá mạnh từ mức 44,17% trong tháng 3 xuống còn 37,19% trong tháng 4, dưới mức trung bình 12 tháng.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index

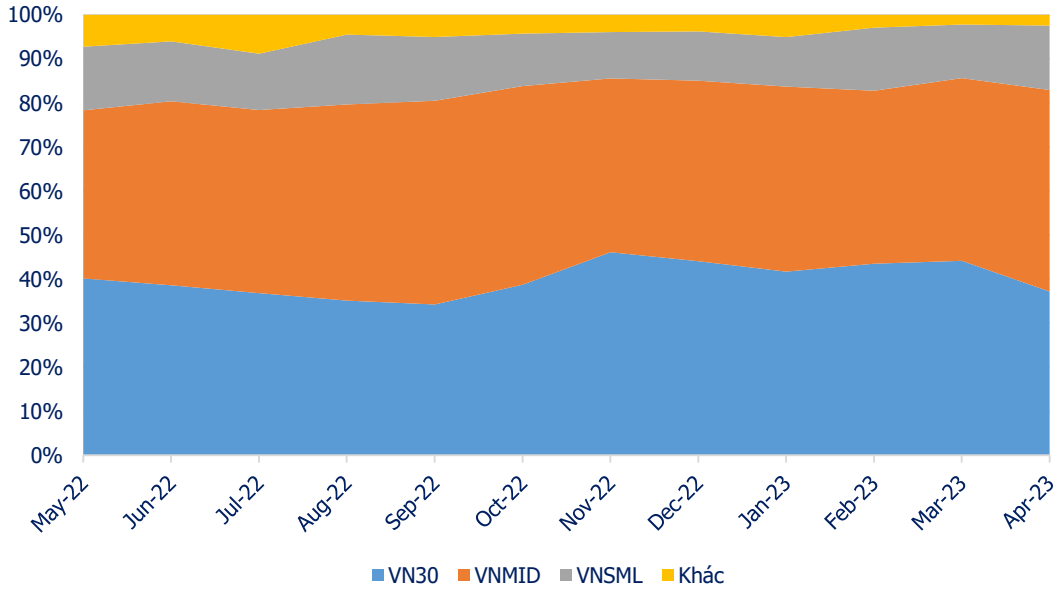

Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)

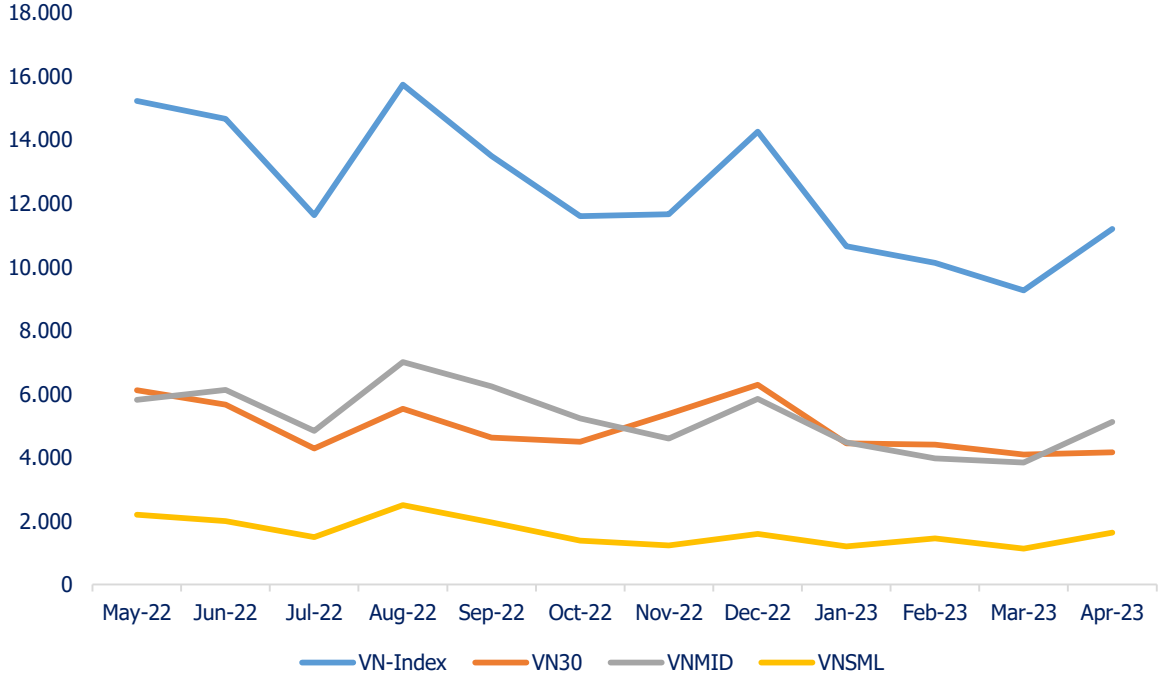

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới tiếp tục giảm tháng thứ 2 liên tiếp khi đạt 22.926 tài khoản trong tháng 4 (-42,4% MoM). Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 có 162.950 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 55,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 4/2023 đạt trên 7,06 triệu tài khoản, trong đó 7,01 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,3%), số tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là 43.465 tài khoản.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng

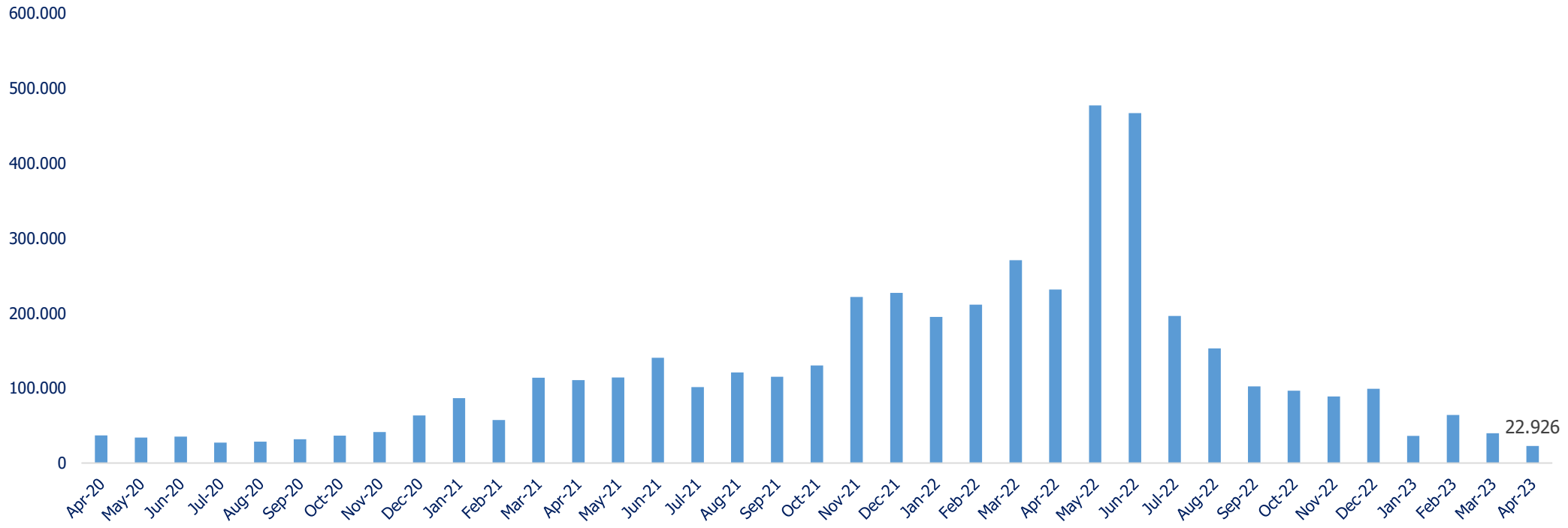

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Xét về nhóm ngành, dòng tiền trong tháng 4 tập trung giao dịch tại ngành bất động sản và dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng như một số mã có kết quả kinh doanh quí I/2023 cải thiện tốt. Giá trị giao dịch bình quân ngành Bất động sản tăng 69,5% so với tháng 3, đạt 3.025 tỷ đồng/phiên, lần đầu vượt qua ngành ngân hàng kể từ tháng 9/2022 nhờ kỳ vọng vào những giải pháp tháo gỡ vướng mắc pháp lý thời gian gần đây. Giao dịch ngành Dịch vụ tài chính cũng tăng 39,7% lên 2.044 tỷ đồng/phiên trong khi đó ngành Ngân hàng có giao dịch không biến động nhiều. Ở chiều ngược lại nhóm thực phẩm đồ uống có giá trị giao dịch tăng mạnh 43,2% so với tháng 3 với giá trị bình quân 1.057,46 tỷ đồng nhưng nhiều cổ phiếu trong nhóm như SAB, VNM giảm điểm thể hiện áp lực bán mạnh…

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)

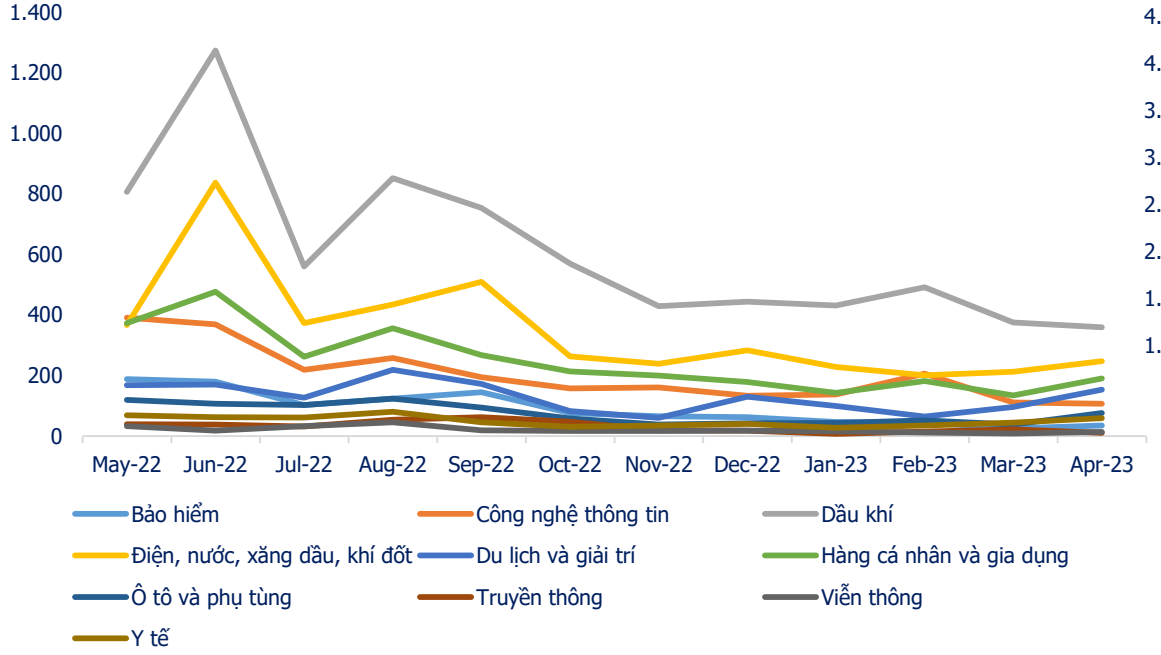

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)

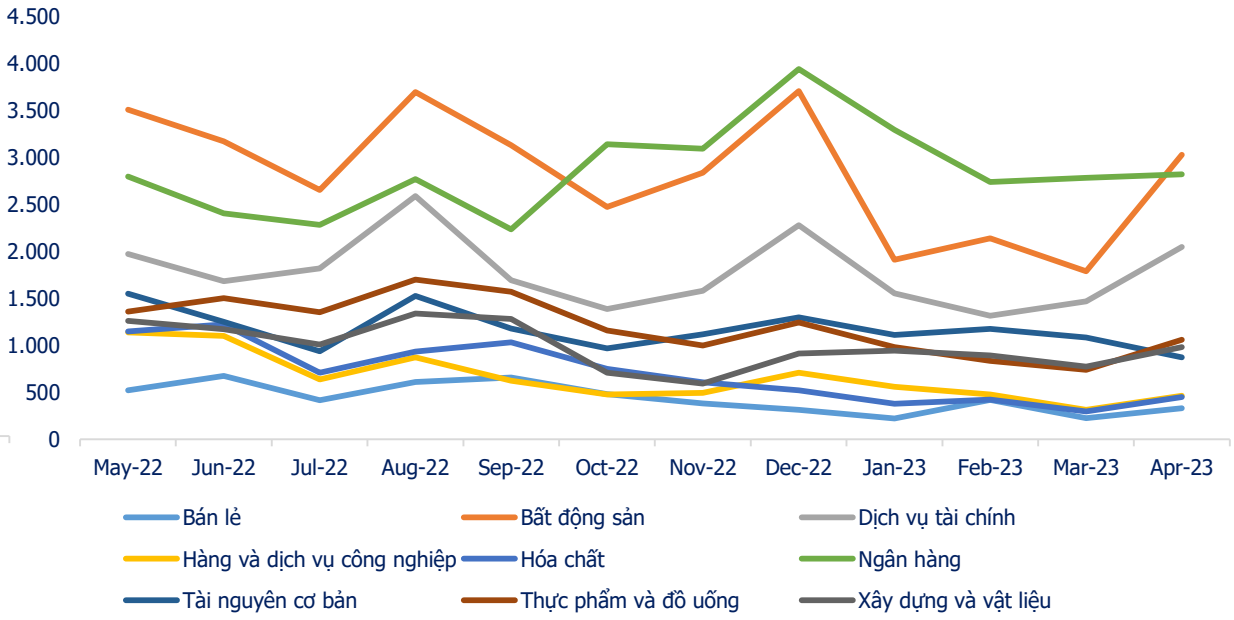

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

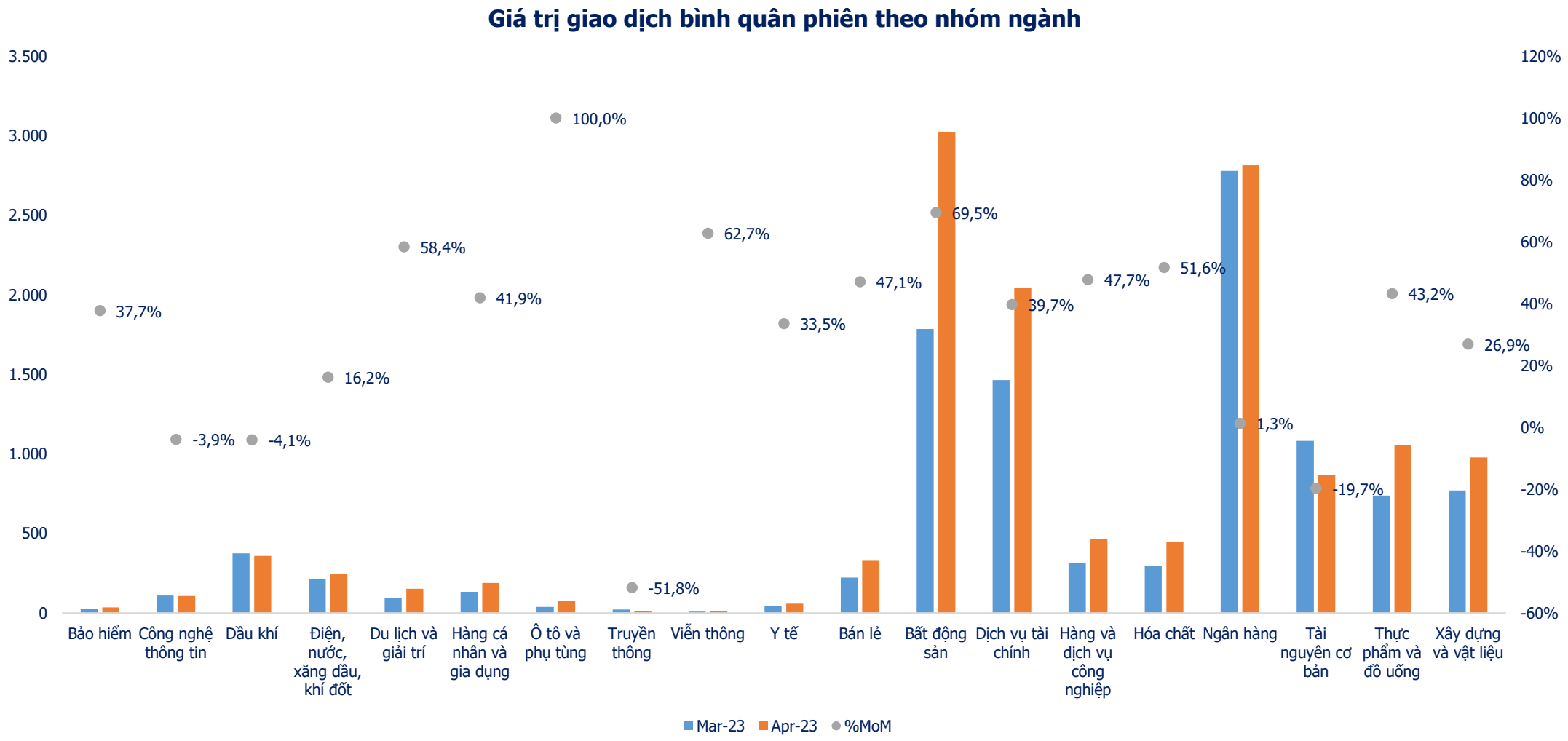

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 4/2023

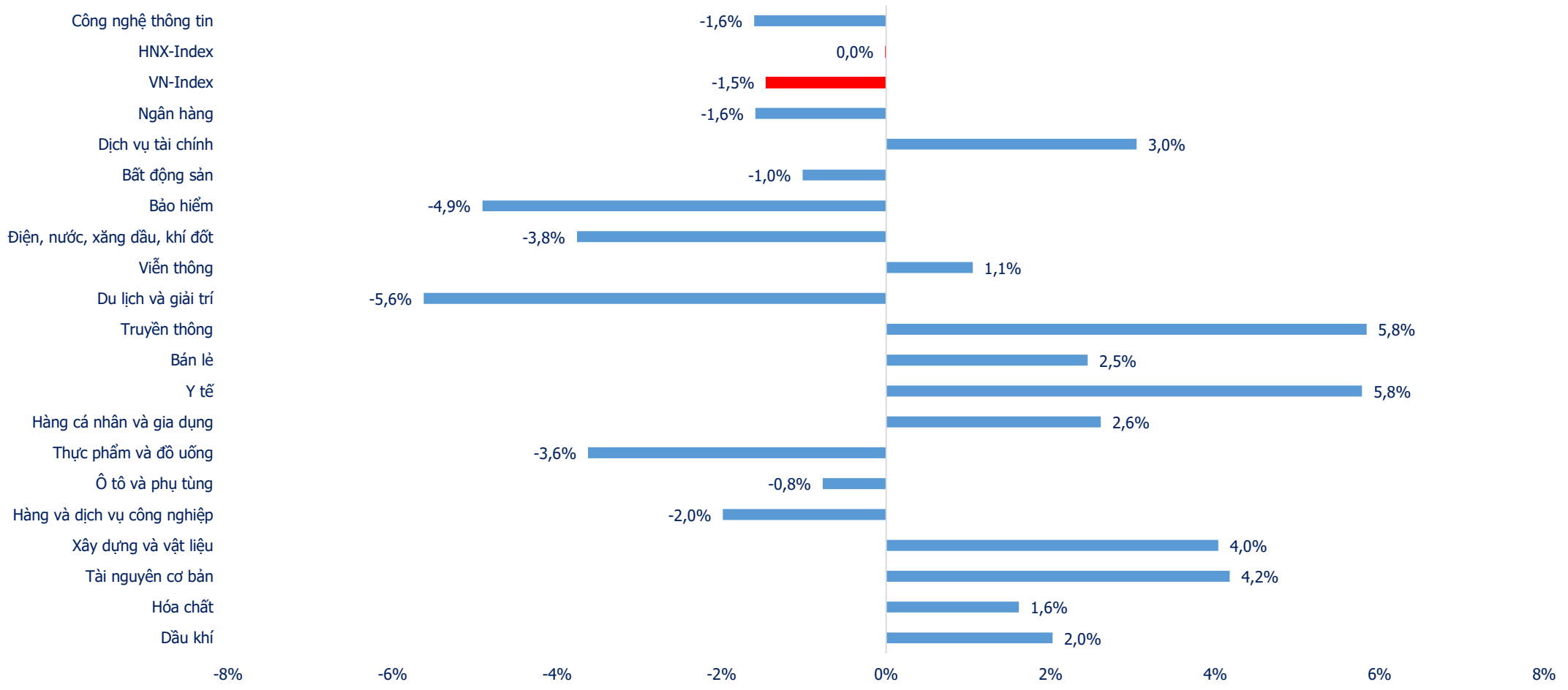

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trong tháng 4. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng tổng giá trị 1.475 tỷ đồng trong tháng 4, trong đó riêng tại HOSE là 2.771 tỷ đồng (tháng 3 mua ròng 2.760 tỷ đồng), bán ròng tại HNX là 13 tỷ đồng và mua ròng tại HNX với giá trị 1.310 tỷ đồng. Lũy kế trong 04 tháng đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng 5.486 tỷ đồng so với mức 2.634 tỷ đồng bán ròng cùng kỳ năm 2022.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại HOSE theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)

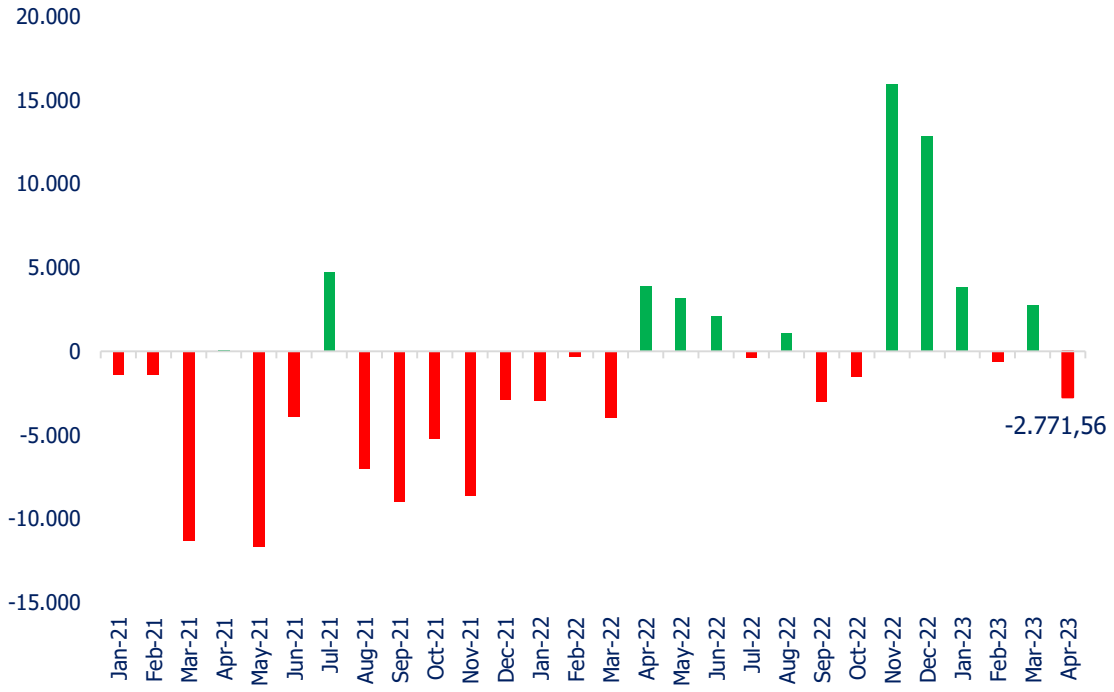

Lũy kế giao dịch cổ phiếu NĐTNN 2022-2023 (triệu USD)

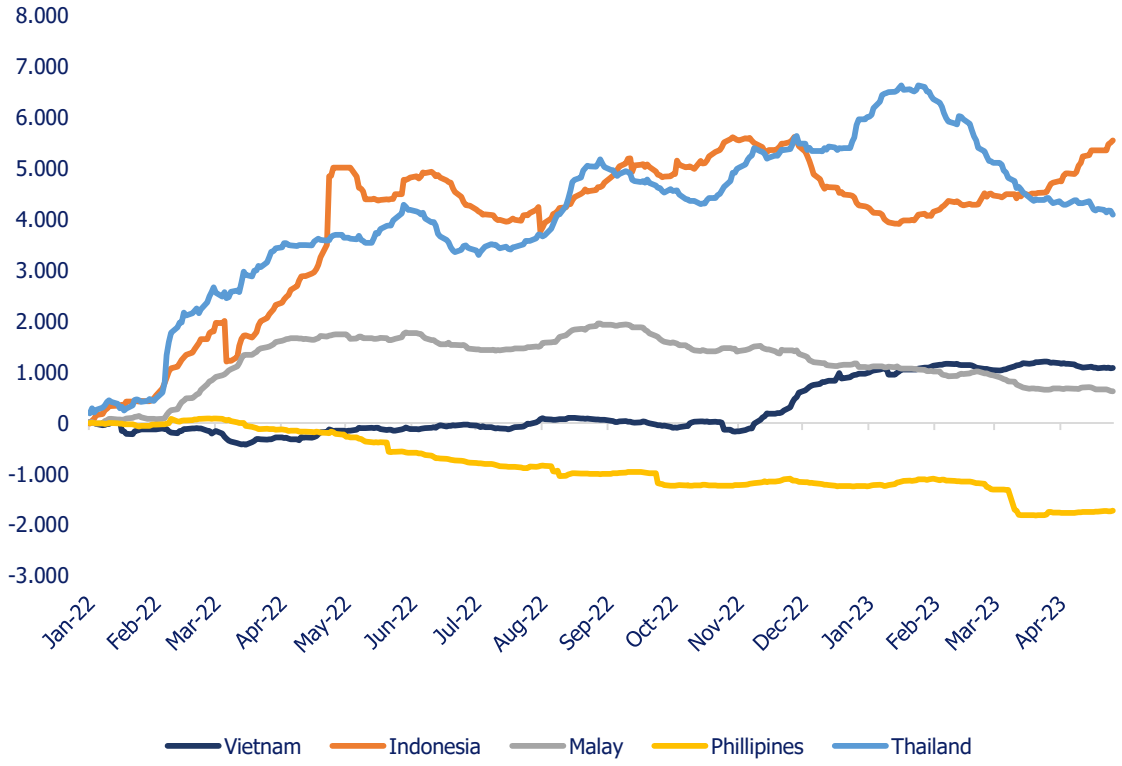

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Biến cơ hội thành giá trị

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 4/2023 (tỷ đồng)

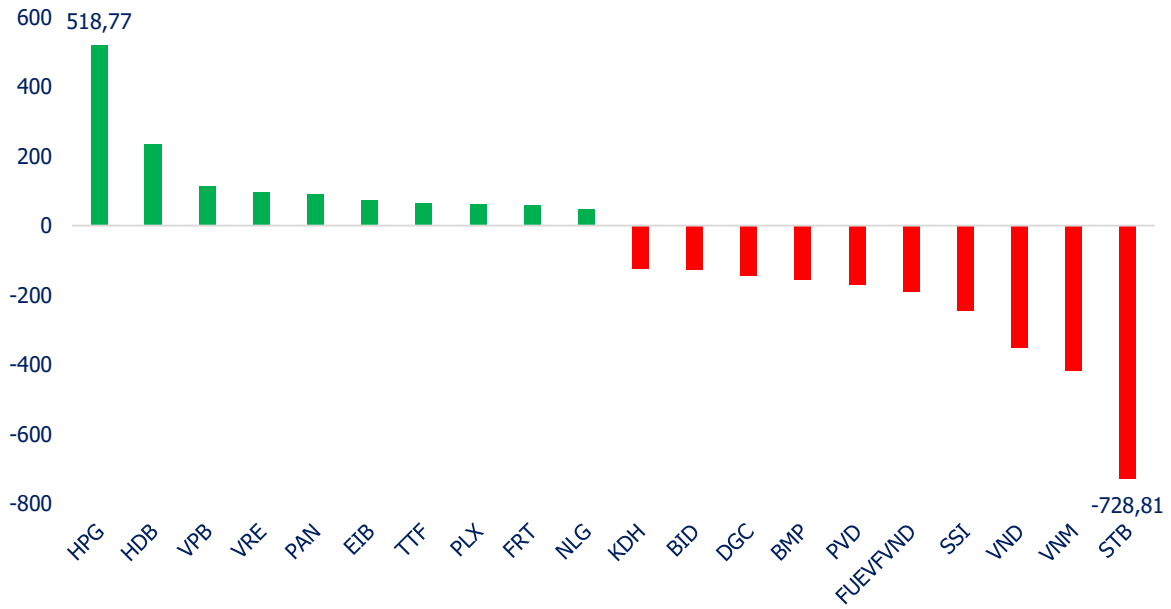

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 4 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

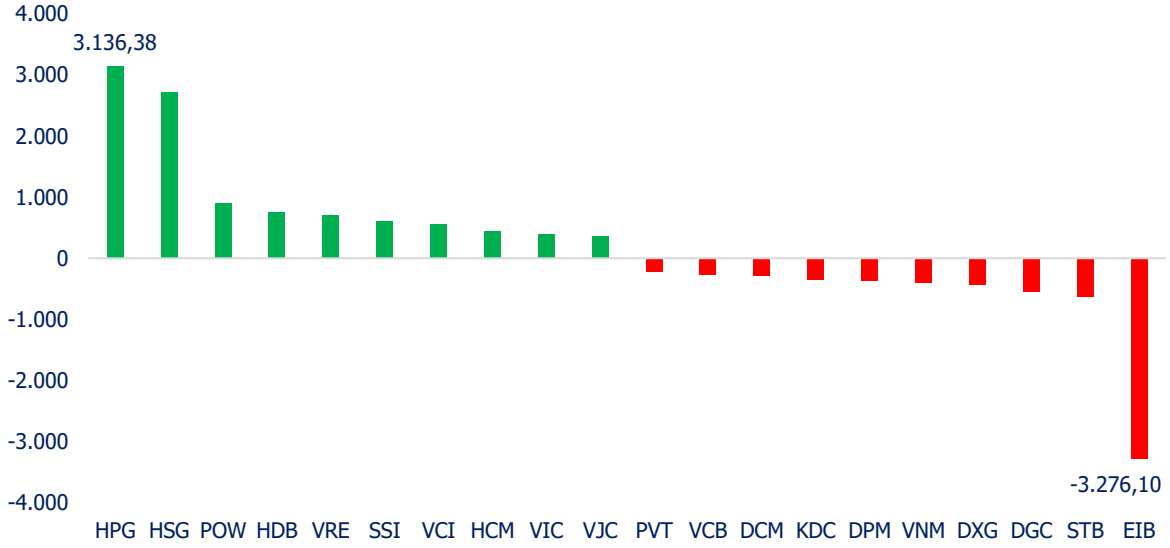

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Tại HOSE, thép tiếp tục là nhóm ngành được mua ròng mạnh nhất với HPG (518,8 tỷ đồng), nâng giá trị mua ròng của HPG trong 4 tháng đầu năm lên 3.136,4 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng có diễn biến mua bán trái chiều với các mã được mua ròng tốt như HDB (234,5 tỷ đồng), VPB (113,4 tỷ đồng) trong khi STB tiếp tục bị bán ròng mạnh (728,8 tỷ đồng).

Về phía bán ròng, xếp sau STB là VNM (-418,4 tỷ đồng), nhóm dịch vụ tài chính VND (-351 tỷ đồng), SSI (-245 tỷ đồng) và chứng chỉ quỹ FUEVFVND bị bán ròng 190,7 tỷ đồng.

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Biến cơ hội thành giá trị

Tại HNX, khối ngoại sau 6 tháng mua ròng liên tiếp với tổng giá trị 2.734,36 tỷ đồng đã bán ròng nhẹ trong tháng 4 với giá trị 13,08 tỷ đồng.

CEO được mua ròng cao nhất trong tháng 4 với giá trị 45,17 tỷ đồng, bên cạnh IDC tiếp tục được mua ròng sau khi mua ròng mạnh trong tháng 03. Ngược lại nhóm cổ phiếu chứng khoán bị bán ròng mạnh trong tháng 04 với SHS (-61,10 tỷ đồng), MBS (-30,07 tỷ đồng). Lũy kế 4 tháng đầu năm IDC được mua ròng với giá trị 467,14 tỷ đồng, tiếp theo là PVS, CEO và TNG với giá trị lần lượt 234,87 tỷ, 169,19 tỷ và 117,94 tỷ đồng.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)

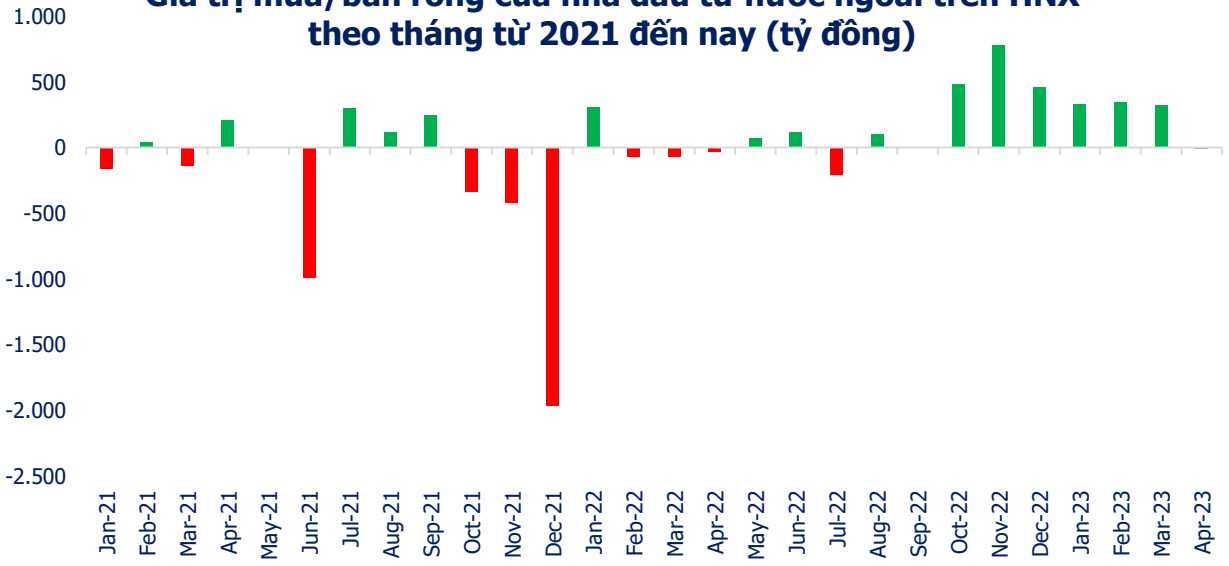

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 4/2023 (tỷ đồng)

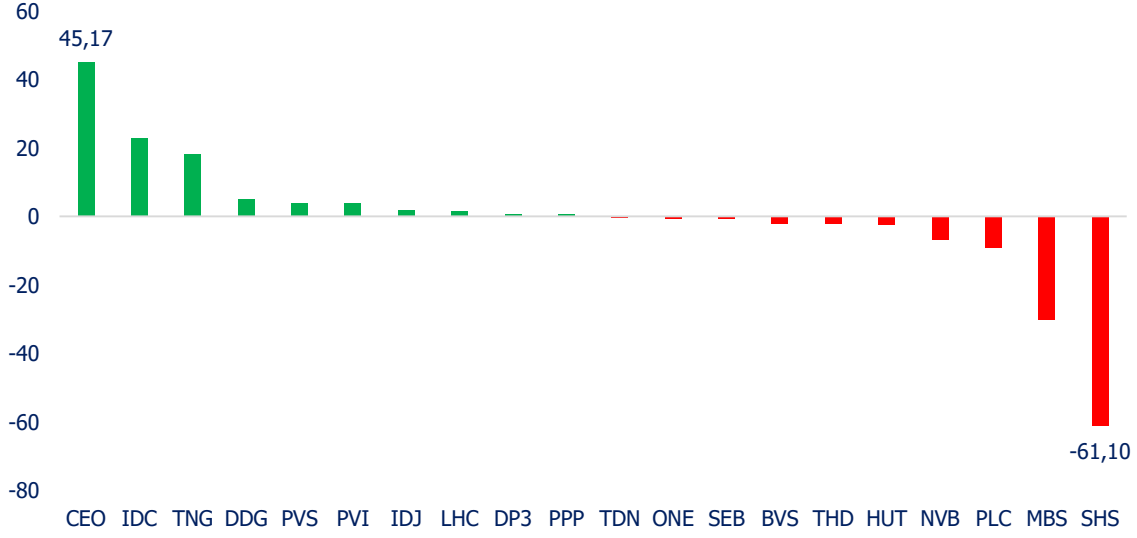

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 4 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

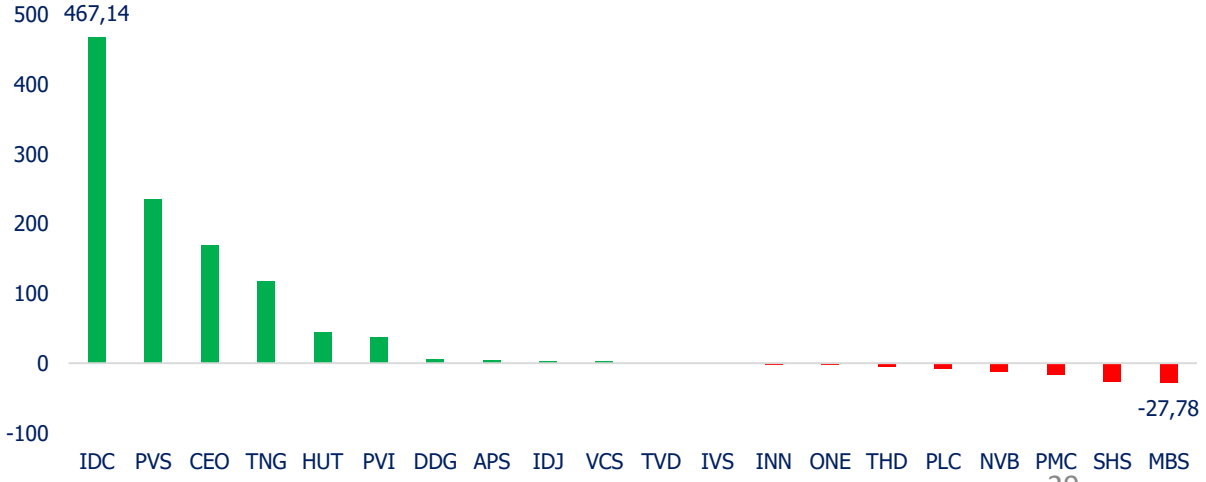

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Trên sàn Upcom khối ngoại mua ròng mạnh trong tháng 4 với giá trị đột biến 1.310,01 tỷ đồng chủ yếu đến từ giao dịch mua 5.300.000 CP (1.361.69 tỷ đồng) cổ phiếu IDP của DAYTONA INVESTMENTS PTE. LTD. BSR được mua ròng 162,43 tỷ đồng. Ngược lại WSB bị bán ròng 41,42 tỷ đồng, VTP (-35,83 tỷ đồng). Lũy kế 4 tháng đầu năm khối ngoại mua ròng 1.353,60 tỷ đồng chủ yếu đến từ IDP (1.361,04 tỷ đồng), BSR (162,43 tỷ đồng); trong khi bán ròng VTP (-177,32 tỷ đồng), VEA (-60,40 tỷ đồng).

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)

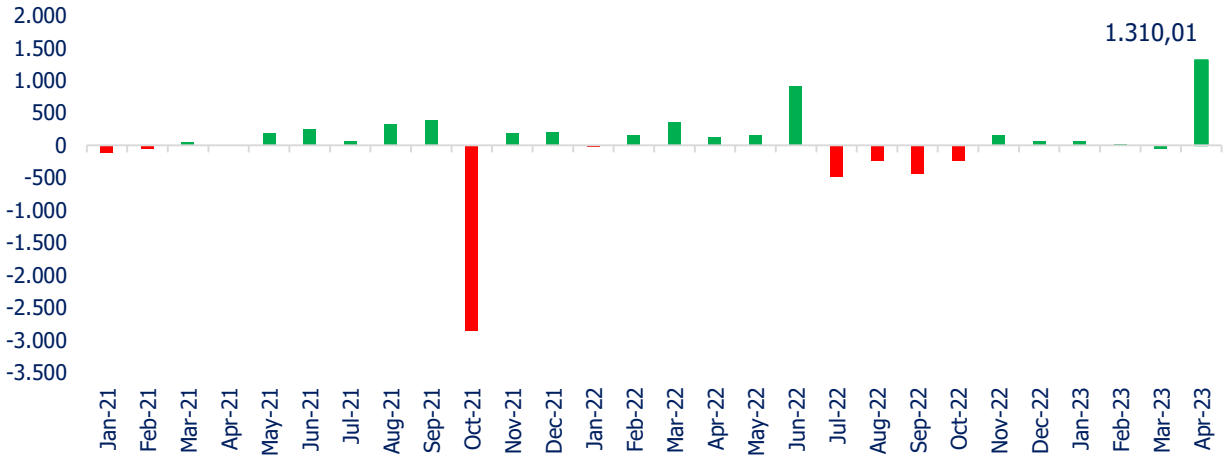

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 4/2023 (tỷ đồng)

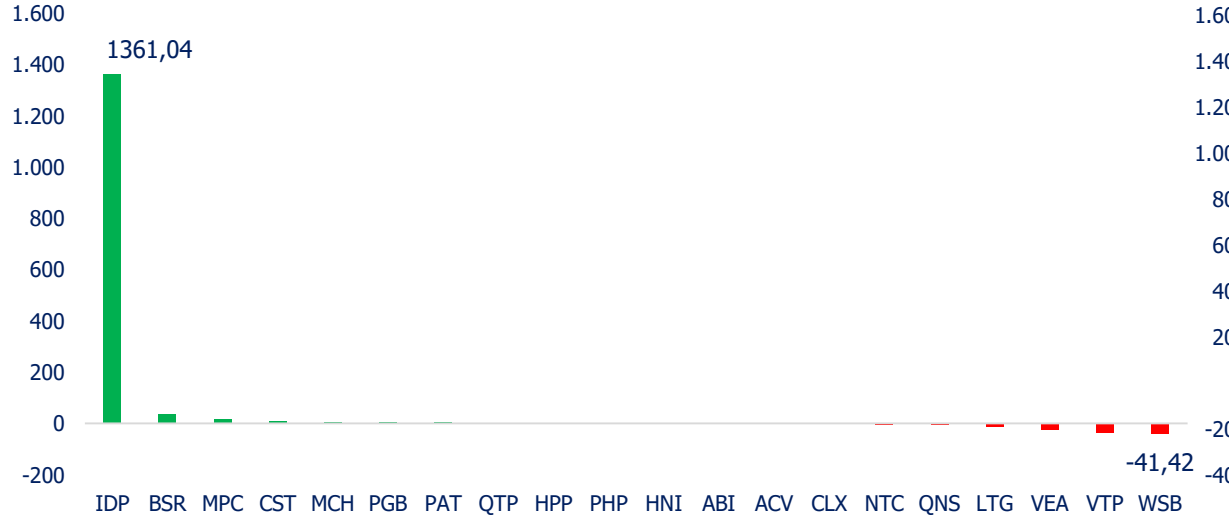

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 4 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

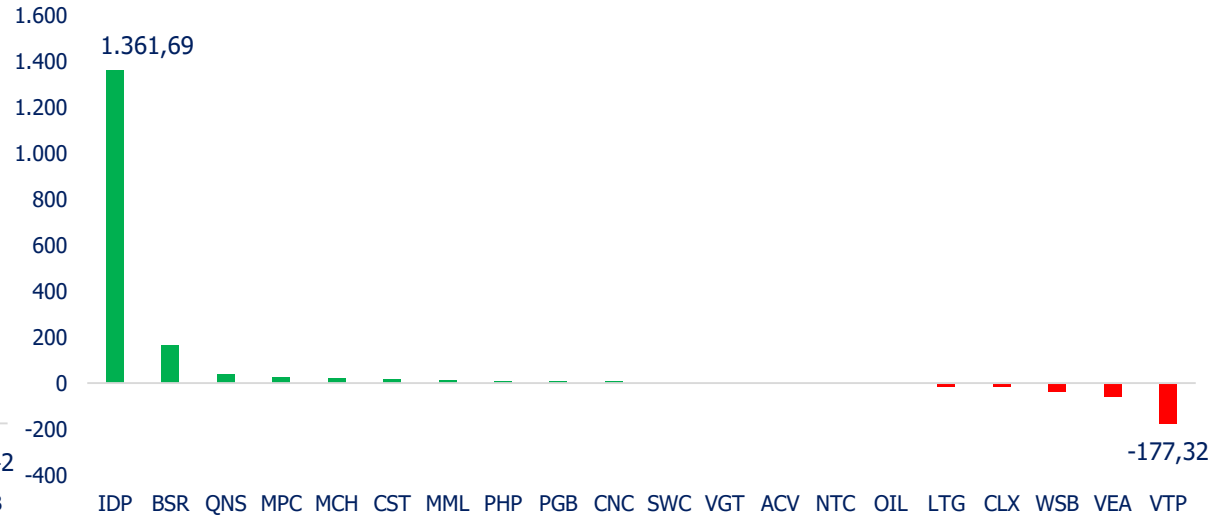

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4

Trong tháng 4/2023, dòng tiền ETF rút ròng nhẹ 28 triệu USD tại Việt Nam đến từ một số quỹ như DCVFMDiamond, VanEck , KIM KINDEX trong khi quỹ Fubon FTSE Vietnam vẫn duy trì trạng thái hút ròng với 3,9 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm 2023 Việt Nam vẫn là thị trường thu hút vốn ETF tích cực nhất trong khu vực với 179 triệu USD. Thị trường Indonesia sau giai đoạn bị rút ròng đã hút ròng trở lại trong tháng với giá trị 53 triệu USD, các thị trường khác không ghi nhận nhiều giao dịch của của quỹ ETF.

Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)

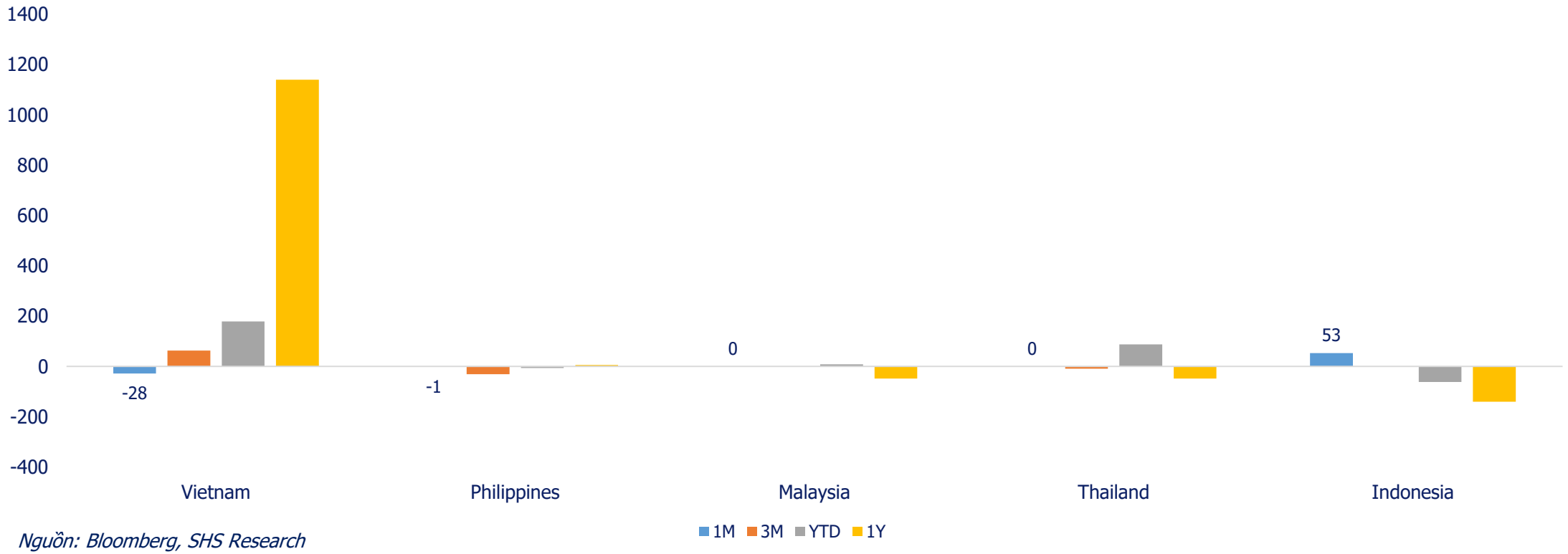

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	795	1.2	833,600,000	(6.6)	-13.7	15.6	308.7
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	829	0.5	2,178,738,000	3.9	70.3	71.8	545.0
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	354	0.9	461,300,000	(0.4)	-8.0	19.2	34.4
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	517.3	14.9	42,800,000	(25.1)	-16.3	69.2	165.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	326.2	33.7	12,344,550	4.1	28.9	55.6	115.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	164.6	0.7	240,800,000	(1.0)	-6.6	0.0	42.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	145.2	15.7	11,000,000	(2.7)	20.3	-47.5	13.0
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	16.2	9.9	2,080,000	0.0	0.3	0.3	-1.6
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	5.7	1.0	8,800,000	0.0	0.0	-0.5	-2.0
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.3	19.5	370,000	(0.9)	0.3	0.3	-0.7
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.7	0.8	6,700,000	0.3	0.5	0.5	0.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	5.5	10.6	800,000	0.0	3.3	0.3	3.9
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.2	0.3	44,000,000	0.0	-5.0	-5.0	0.2

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 5

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 5

VnIndex điều chỉnh giảm -15.52 điểm trong tháng 4/2023 nhưng vẫn duy trì được nền tảng tích lũy chặt chẽ, đã kéo dài trong 6 tháng qua với biên độ dao động hẹp dần và hình thành mô hình Nêm tích lũy.

Với trạng thái tích lũy trung hạn tốt và trên biểu đồ mô hình tích lũy đã đi đến giai đoạn cuối của chu kỳ. Với những chuyển biến tích cực đầu tháng 5/2023, có thể kỳ vọng thị trường trong tháng 5 sẽ chuyển trạng thái từ tích lũy sang xu hướng tăng (uptrend) mới nếu VN-Index tăng điểm tích cực để phá vỡ mô hình (vượt lên trên đường kháng cự màu đỏ) và kèm theo là sự cải thiện trong thanh khoản. Nếu kịch bản này xảy ra VN-Index ngắn hạn có thể hướng tới vùng cản 1.100 – 1.150 điểm (là đỉnh của các chù kỳ sóng trước đây).

Trong trường hợp thất bại, VN-Index sẽ quay trở lại giao dịch trong kênh giá từ 1.040 điểm – 1.100 điểm. Đây là trạng thái vận động mang tính tích lũy và củng cố thêm động lực cho xu hướng hồi phục của thị trường.

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 5

Vào thời điểm kết thúc tháng 4/2023, định giá toàn thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,65 lần, thấp hơn 36% so với mức trung bình trong 10 năm gần nhất (16,5 lần).

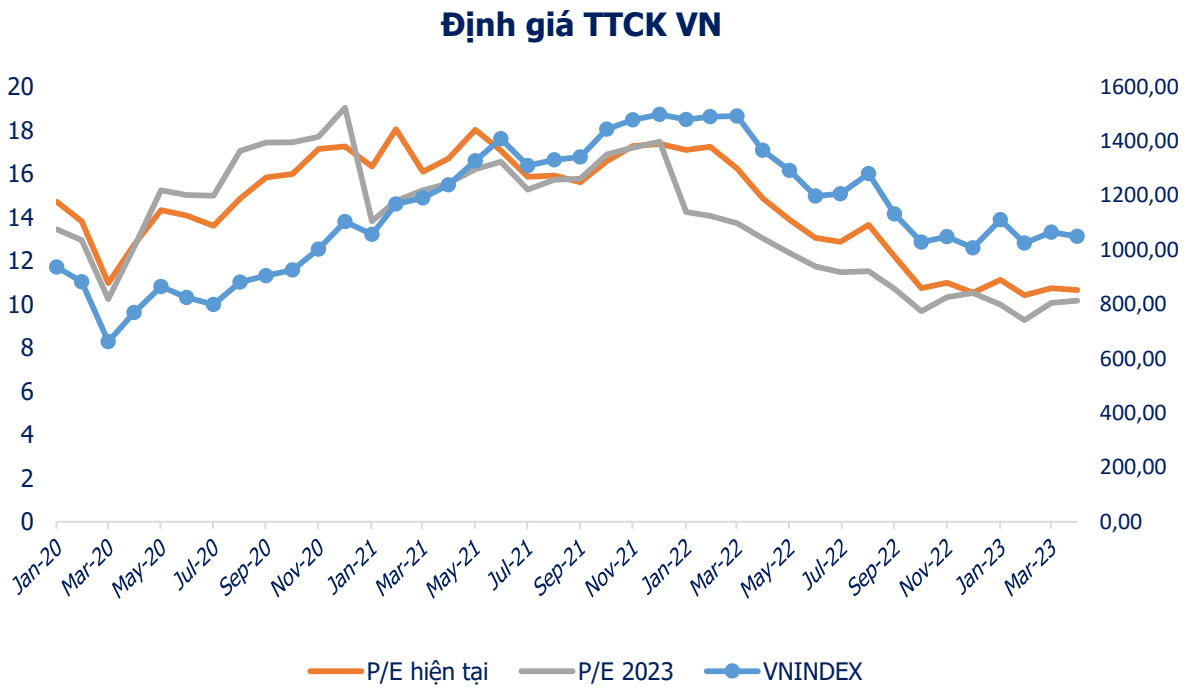

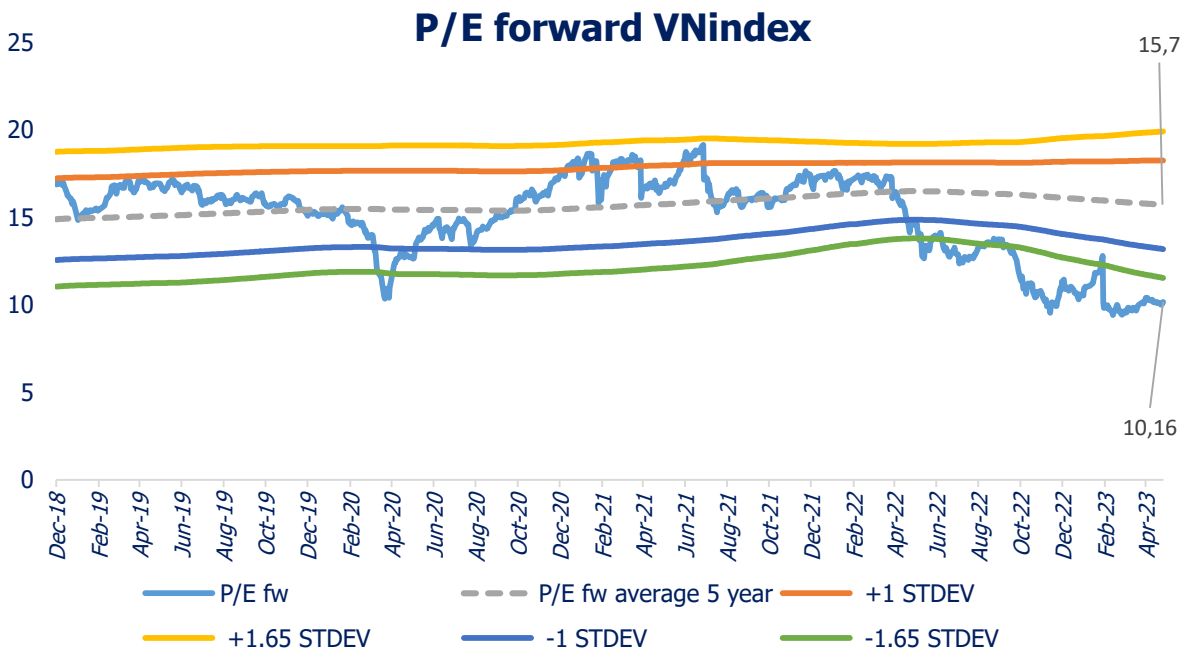

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 5

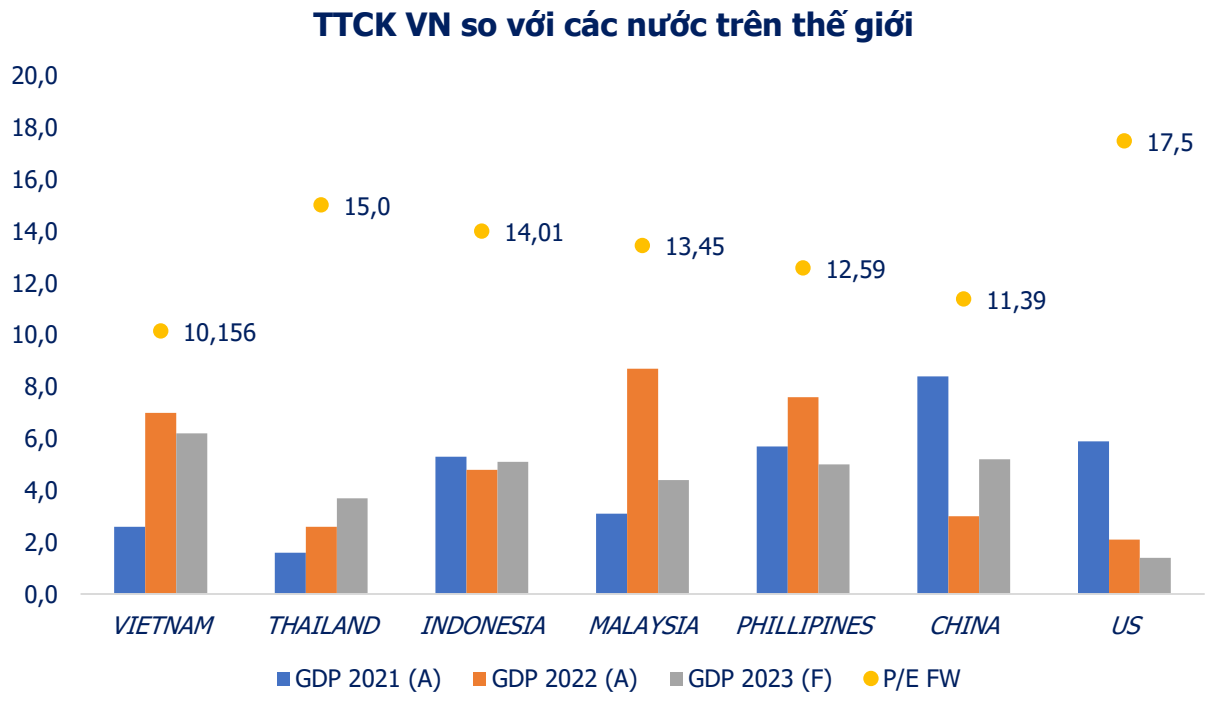

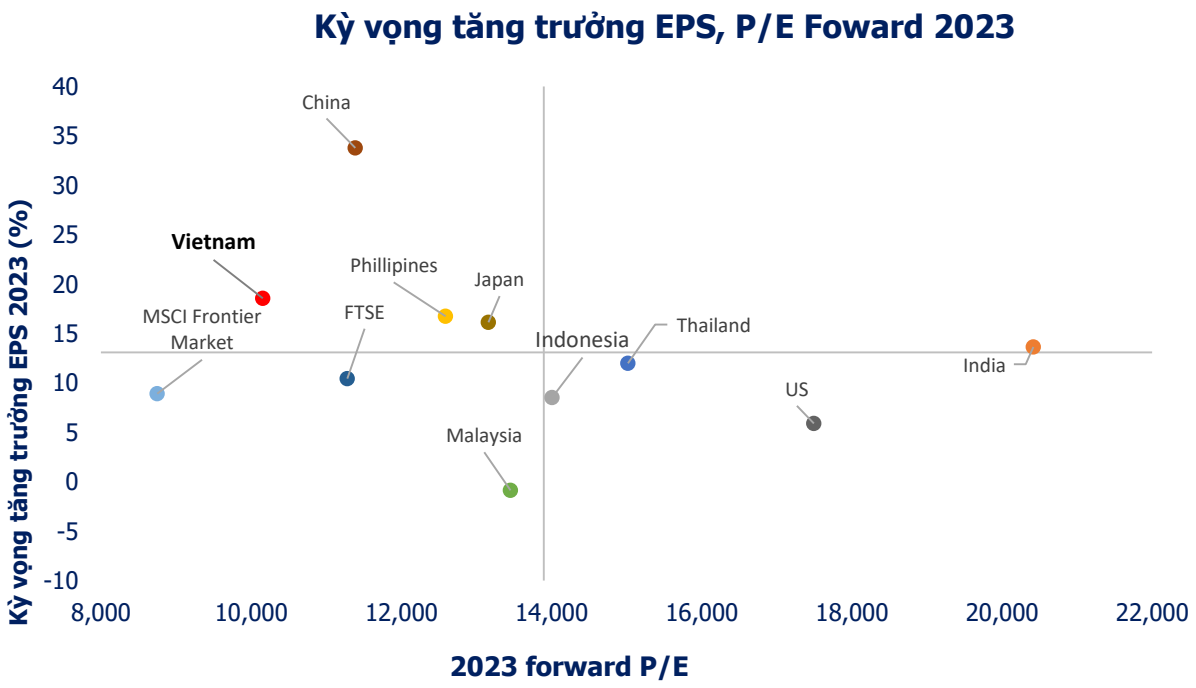

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 5

03/05/2023

Sự kiện quốc tế

Quyết định lãi suất ở Mỹ

04/05/2023

Sự kiện quốc tế

Quyết định lãi suất ở Châu Âu

Sự kiện trong nước

Công bố chỉ số PMI ở Việt Nam

04/05/2023

Sự kiện trong nước

Các thay đổi chỉ số VN30, VNFINLEAD, VNFINSELECT, VNDIAMOND có hiệu lực áp dụng.

10/05/2023

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số CPI ở Mỹ

11/05/2023

Sự kiện quốc tế

Công bố đánh giá chỉ số MSCI bán niên

16/05/2023

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số sản lượng công nghiệp ở Trung Quốc (YoY)

18/05/2023

Sự kiện trong nước

Ngày GDCC của HĐTL VN30 tháng 5 (VN30F2305)

25/05/2023

Sự kiện quốc tế

Công bố chỉ số tổng sản phẩm quốc nội GDP ở Mỹ (Quý 1)

29/05/2023

Sự kiện trong nước

Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 5/2023

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

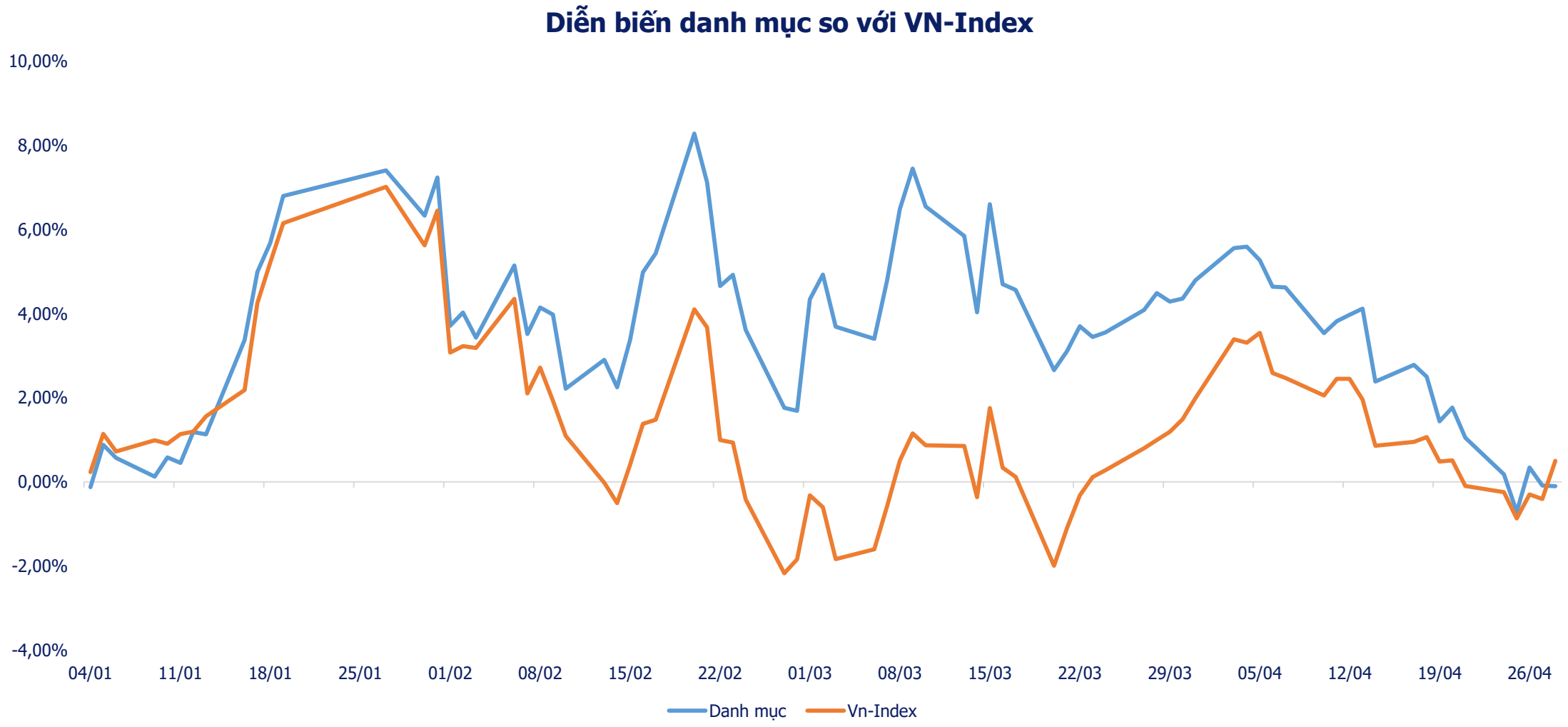

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	125-130	103,8	92,8	• Q1/2023 ghi nhận 21.214 tỷ đồng doanh thu (-20,5% YoY), 3.416 tỷ đồng lãi sau thuế (-10% YoY). So với kế hoạch 2023, GAS đạt 28,5% kế hoạch doanh thu và 52,2% kế hoạch lãi sau thuế. ĐHCĐ dự kiến tổ chức vào ngày 25/5/2023.
PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	29-30	26,9	25,3	• Q1/2023 ghi nhận 3.703 tỷ đồng doanh thu (-1,7% YoY), 227,5 tỷ đồng lãi sau thuế (-9,1% YoY). • PVS năm 2023 đặt kế hoạch 13.200 tỷ đồng doanh thu hợp nhất (-22,7% YoY), 560 tỷ đồng lãi sau thuế (-40,7% YoY). So với kế hoạch, PVS đã thực hiện 28% kế hoạch doanh thu và 40,6% kế hoạch lãi sau thuế • Dự kiến họp ĐHCĐ ngày 29/5/2023.
BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	30-32	24,8	22,85	• Năm 2023, BMI lên kế hoạch doanh thu phí bảo hiểm gốc 5.770 tỷ đồng (+6% YoY), tổng doanh thu 6.750 tỷ đồng (+7% YoY), LNTT 375 tỷ đồng (+9,4% YoY), tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu 10%. • Q1/2023, BMI đạt 1.406 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm gốc, tăng 12% YoY, LNTT 91,78 tỷ đồng, chỉ tăng 3% YoY do BMI tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm (tổng chi bồi thường bảo hiểm Q1.2023 tăng 43% YoY). • BMI đang được giao dịch ở mức PB 0,99x, thấp hơn mức trung bình ngành 1,31x. • Cập nhật kế hoạch thoái vốn Nhà nước. SCIC đang trình đề án lên Thủ tướng Chính phủ, lên kế hoạch chưa thoái vốn tại BMI trong giai đoạn 2021-2025.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	34-36	33,95	32,55	• KQKD Q1/2023. Doanh thu thuần 63,2 tỷ đồng (-77% yoy), LNST 11,8 tỷ đồng (-84,4% yoy). Nguyên nhân do doanh thu cho thuê đất giảm mạnh 90,3% YoY, từ 272,7 tỷ xuống 26,3 tỷ. Chi phí tài chính tăng lên 11,7 tỷ (cùng kỳ 1,7 tỷ) do chi phí lãi vay của dự án sân Golf đã ngừng vốn hóa và được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh. • Tổng diện tích đã ký hợp đồng nhưng chưa ghi nhận doanh thu của KCN Châu Đức tính tới cuối 2022 là 62ha, sẽ được ghi nhận dần từ 2023. Tăng tổng vốn đầu tư KĐT Châu Đức từ 1.237 tỷ đồng lên 9.804 tỷ đồng do chi phí GPMB và tiền sử dụng đất tăng. • Dự kiến phát hành cổ phiếu cho CĐHH tỷ lệ 2:1, tương ứng 60tr cổ phiếu, dự kiến triển khai trong 2023-2024.
IDC	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam	44-48	40,4	38,5	• KQKD Q1/2023. Doanh thu thuần 246,8 tỷ đồng (-64,3% yoy), LNST 128 tỷ đồng (-39,2% yoy). Nguyên nhân do doanh thu cho thuê hạ tầng KCN đáp ứng điều kiện ghi nhận một lần giảm so với cùng kỳ năm trước. • Năm 2023, IDC đặt kế hoạch Doanh thu và LNTT lần lượt là 8.276,8 tỷ đồng và 2.525,2 tỷ đồng. Với kết quả trên, IDC mới chỉ hoàn thành 5,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tại thời điểm cuối Q1/2023. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn của IDC đạt 3.561 tỷ đồng, tăng 407 tỷ so với thời điểm cuối năm 2022.
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	16-16,5	13,55	13,2	• Năm 2023, POW đặt kế hoạch doanh thu 30.332 tỷ đồng (tăng 25%), lợi nhuận 11.118 tỷ đồng (giảm 52%), sản lượng điện thương phẩm đạt 15.590 triệu kWh (tăng 10%). Q1/2023 ghi nhận sản lượng 4tr KWh (+9% YoY), 7.703 tỷ doanh thu (+8% YoY), 650 tỷ đồng lãi sau thuế (-19% YoY), tương ứng 25% KH doanh thu và 58% KH lợi nhuận • Tổ máy số 1 của nhà máy Vũng Áng 1 dự kiến vận hành từ giữa Q3/2023 thay vì cuối Q1/2023.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	75-77	54,3	51,5	• Phát hành 443.025 cổ phiếu (4,43 tỷ đồng) để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đak Nông. Nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 43.442.966 cổ phiếu. • Cập nhật KQKD Q1/2023: Sản lượng tiêu thụ đạt 1.645,12 tấn (-24% YoY), Giá bán bình quân đạt 34.514.950 VND/tấn (-18,29% YoY), Doanh thu thuần đạt 179,76 tỷ đồng (-12,82% YoY), LNST đạt 61,83 tỷ đồng (+32,42% YoY) do doanh thu thanh lý cây cao su tăng cao so với cùng kỳ.
PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	33-34	35,3	31,4	• KQKD Q1/2023. Doanh thu thuần 1.968,4 tỷ đồng (-6,0% yoy), LNST 33,2 tỷ đồng (-18,1% yoy). Nguyên nhân là do chi phí lãi vay tăng 15,5 tỷ so với cùng kỳ. Với kết quả này, PLC đã hoàn thành tương ứng 22% KH doanh thu và 21% KH LNTT. • Cập nhật ĐHĐCĐ 2023. PLC đặt kế hoạch trong bối cảnh thị trường khó khăn. Lợi thế chính của PLC trong 2023 là nhựa đường. Mảng mỡ nhờn giảm sút, cố gắng duy trì thị phần. Mảng hóa chất vẫn khó khăn. Thị phần các mảng hiện tại của PLC: (1) Nhựa đường: 28-30%; (2) Dầu nhờn 7-8%; (3) Hóa chất 19%. • Kế hoạch cổ tức 2023: Không thấp hơn 12%.
FPT	CTCP FPT	120	81,5	77,	• ĐHCĐ thông qua kế hoạch doanh thu 52.289 tỷ đồng (+18,2%) và lợi nhuận trước thuế 9.055 tỷ (+19%). Q1/2023 ghi nhận doanh thu 11.681 tỷ đồng (+20,1% YoY), lãi trước thuế 2.121 tỷ đồng (+19,2% YoY), tương ứng 22% KH doanh thu và 23% KH lợi nhuận. • Chia cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ 20% tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Năm 2023, FPT dự kiến chia cổ tức 2.000 đồng/cp.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50-52	44,2	43,55	• Q1/2023, BID dư nợ 1,56 triệu tỷ đồng (+4% YTD), huy động từ khách hàng 1,5 triệu tỷ đồng, (+1% YTD), lãi trước thuế 6.919 tỷ đồng (+53% yoy). Nguyên nhân do thu nhập lãi thuần tăng 8% yoy trong khi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ghi nhận giảm 26% yoy. Đầu năm 2023, NHNN giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng lần 1 cho BID là 8,36%. Năm 2023, BID đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 10 – 15% so với năm trước, tương đương đạt 25.310 – 26.460 tỷ đồng. KQKD Q1 của BID tương đương hoàn thành 27% kế hoạch LNTT (kịch bản tăng trưởng 10%). • BID lên kế hoạch trích lập dự phòng nợ xấu thấp hơn năm 2022 do đã trích trước 2 năm cho nợ chịu ảnh hưởng covid, xử lý xong cơ bản nợ có vấn đề, tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (cuối Q1.2023 là 216.8%, đứng thứ 3 toàn ngành). • Năm 2023, BID sẽ tăng thêm 21,69% vốn điều lệ lên 61.557 tỷ đồng (12,69% cổ phiếu trả cổ tức năm 2021, 9% qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư hoặc chào bán ra công chúng). BID đã tiếp xúc 38 nhà đầu tư và đang kết hợp với NHNN thống nhất tiêu chuẩn đối tác đi kèm với tiếp xúc một số nhà đầu tư tiềm năng để hoàn thành mục tiêu tăng vốn trong năm 2023.
STB	Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín	29-30	25,3	25,05	• Năm 2023, STB đặt mục tiêu lãi trước thuế 9.500 tỷ đồng (+50% YoY), tăng trưởng tín dụng 12%, tăng trưởng huy động 11%, tỷ lệ nợ xấu dưới 2%. Q1.2023, tăng trưởng tín dụng của STB tăng 2%, tiền gửi khách hàng tăng 5%, tỷ lệ nợ xấu 0,98%, LNTT 2.382 tỷ đồng, tăng 49% YoY, hoàn thành 25% kế hoạch, trích lập dự phòng trái phiếu VAMC là 1.076 tỷ đồng. • Giai đoạn tái cơ cấu giúp STB lành mạnh hóa tài sản, hạn chế rủi ro nợ xấu mới phát sinh, không chịu rủi ro mảng trái phiếu doanh nghiệp. Năm 2022, lợi nhuận trước trích lập chi phí theo Đề án tái cơ cấu của STB là 19.940 tỷ đồng. Năm 2023, STB sẽ trích lập 4.400 tỷ đồng dự phòng 100% trái phiếu VAMC, hoàn thành Đề án tái cơ cấu. • Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
GMD	CTCP Gemadept	59-60	55,0	52,6	• Cảng Quốc tế Gemalink đón siêu tàu container M/V OOCL Spain (24.188 TEU) lớn nhất thế giới lần đầu tới Việt Nam. Dự án Gemanlink GĐ2 đang được triển khai và dự kiến đưa vào khai thác từ 2024. • 19/4/2023 GMD ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn (~85%) tại cảng Nam Hải Đình Vũ cho Viconship. • Q1/2023 ghi nhận 902 tỷ đồng doanh thu (+2,7% YoY), 255 tỷ đồng lãi sau thuế (-20% YoY). • Dự án cảng Nam Đình Vũ GĐ2 với công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ hoàn thành đầu năm 2023 có thể đạt mục tiêu lấp đầy 100% công suất ngay sau khi đi vào hoạt động.
PVT	Tổng CTCP Vận tải Dầu khí	26-28	22,45	20,4	• PVTrans đặt KH2023 tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.800 tỷ đồng (-29% YoY), lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng (-53% YoY), cổ tức 10%. Năm 2022 cổ tức thông qua là 10% bằng cổ phiếu. Kế hoạch đầu tư năm 2023, PVT dự kiến chi 4.114 tỷ đồng cho hoạt động đầu tư. Trong đó, 3.854 tỷ đồng dành cho đầu tư tàu và 260 tỷ đồng đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên. • Q1/2023 ghi nhận 2.043 tỷ đồng doanh thu (+1,1% YoY), 240 tỷ đồng lãi sau thuế (+23,7% YoY), tương ứng 30% kế hoạch doanh thu và 44% kế hoạch lợi nhuận.
CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	35-36	32,15	30,85	• CSV đặt KH2023 doanh thu hợp nhất 1.956 tỷ đồng (-7% YoY), lãi trước thuế hợp nhất 270.4 tỷ đồng (-47% YoY), cổ tức 15%. CSV trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 35%. • KQKD Q1/2023: Doanh thu thuần đạt 391,62 tỷ đồng (-18,8% YoY), LNST đạt 70,9 tỷ đồng (-36,9% YoY) do sản lượng và giá bán bình quân trong kỳ đều sụt giảm. • Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Thạch sẽ đầu tư trước dây chuyền sản xuát Xút-Clo công suất 20.000 tấn NaOH/năm, tiếp theo sẽ di dời cuốn chiếu các dây chuyền sản xuất khác tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Thạch 6.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK.	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 4/2023	Giá tại ngày 28/4/23	Ghi chú
PNJ	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	120	81,2	77,7	• Kế hoạch 2023 doanh thu đạt 35.600 tỷ đồng (+5,1% YoY), lãi sau thuế 1.937 tỷ đồng (+6,9% YoY), cổ tức 20%, phát hành ESOP tối đa 1,5% tổng số cổ phiếu lưu hành theo kết quả kinh doanh. PNJ trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 20%. • Q1/2023 ghi nhận 9.795 tỷ đồng doanh thu (-3,4% YoY), 748,6 tỷ đồng lãi sau thuế (+3,8% YoY), tương ứng 27,5% KH doanh thu và 38,6% KH lợi nhuận.
GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	19-20,5	-6,60%	-36,58%	• Kế hoạch năm 2023 doanh thu đạt 28.600 tỷ đồng (+112% YoY), lợi nhuận trước thuế 5.200 tỷ đồng (-8,8%). Q1/2023 ghi nhận doanh thu thuần 4.135,17 tỷ đồng (-15,50% YoY), LNST đạt 755,68 tỷ đồng (-42,56% YoY) do giá bán các mặt hàng chủ yếu giảm so với cùng kỳ trong khi giá cả nhiều mặt hàng đầu vào tăng mạnh. Tới cuối Q1, nợ phải trả của GVR đạt 22.752 tỷ đồng, giảm 9% tương ứng khoảng 2.200 tỷ so với mức đầu năm. • Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch đầu tư từ các quốc gia sang Việt Nam. Hiện tại GVR đang khai thác 3.932ha diện tích các KCN tại Tp. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước...và mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư). 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn